BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

"NGOẠI GIAO BẪY NỢ" TRONG SÁNG KIẾN VÀNH ĐAI VÀ CON ĐƯỜNG CỦA TRUNG QUỐC DƯỚI GÓC NHÌN LÝ THUYẾT BÁ QUYỀN CỦA ANTONIO GRAMSCI

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đà Lạt, 05/2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
THAM GIA XÉT GIẢI THƯỞNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG

"NGOẠI GIAO BẪY NỢ" TRONG SÁNG KIẾN VÀNH ĐAI VÀ CON ĐƯỜNG CỦA TRUNG QUỐC DƯỚI GÓC NHÌN LÝ THUYẾT BÁ QUYỀN CỦA ANTONIO GRAMSCI

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Sinh viên thực hiện: Lê Thanh Bình Nam, Nữ: Nữ
Dân tộc: Kinh
Lớp, khoa: Lớp QHK42 – Khoa Quốc tế học Năm thứ: 04 /Số năm đào tạo: 04
Ngành học: Quốc tế học

Người hướng dẫn: Th.S Ngũ Chánh Hào

Đà Lạt, 05/2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài 3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5
5. Phương pháp nghiên cứu 6
6. Những điểm mới của đề tài 7
7. Bố cục của đề tài 7
GIỚI THIỆU 8
CHƯƠNG 1: SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC TRONG HỆ THỐNG QUỐC TẾ 10
1.1. Chính sách mở cửa phát triển đất nước của Đặng Tiểu Bình - bước khởi đầu phục hưng Trung Hoa **..... 10**
1.1.1.Trung Quốc trước công cuộc cải cách 10
1.1.2. Chính sách cải cách mở cửa đất nước của Đặng Tiểu Bình 10
1.2. Khôi phục mối quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ - Yếu tố quyết định cho Trung Quốc ngày càng phát triển 11
1.2.2. Vị thế của Trung Quốc trong hệ thống trật tự chính trị hiện nay 12
1.2.2.1. Cải thiện và thúc đẩy phát triển kinh tế 12
1.2.2.2. Điều kiện cho Trung Quốc đánh thức tiềm năng, trở thành đối thủ cạnh tranh của Hoa Kỳ 12
1.3. Cuộc khủng hoảng năm 2008 – nay 14
1.3.1. Sự thay đổi của trật tự thế giới sau cuộc khủng hoảng tài chính 14
1.3.2. Tác động của cuộc khủng hoảng năm 2008 14
1.4. Tiểu kết chương 1 15
CHƯƠNG 2 SÁNG KIẾN VÀNH ĐAI VÀ CON ĐƯỜNG CỦA TRUNG QUỐC - CHIẾN LƯỢC THÚC ĐẨY BÁ QUYỀN CỦA TRUNG QUỐC CỦA CHỦ TỊCH TẬP CẬN BÌNH THEO LĂNG KÍNH CỦA LÝ THUYẾT BÁ QUYỀN CỦA ANTONIO GRAMSCI 16
2.1. Khái quát Sáng kiến Vành đai và Con Đường 16
2.2. Vị trí của Sáng kiến Vành đai và Con đường trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. 18
2.2. Sáng kiến Vành đai và Con đường và những thách thức 19
2.3. Ảnh hưởng của Sáng kiến Vành đai và Con đường trong hệ thống quốc tế 19
2.4. Khái quát lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci 20
2.4.1 Khái niệm Bá quyền theo lăng kính của Antonio Gramsci trong quan hệ quốc tế 20

2.4.2. Khái niệm cách mạng thụ động và sự phát triển sản xuất mở rộng mô hình chính trị đến các nước ngoại vi 21
2.4.2.1. Cách mạng thụ động 21
2.4.2.2. Sự phát triển và mở rộng mô hình kinh tế xã hội đến các nước ngoại vi 22
2.4.3. Khía cạnh vận động chiến và vị thế chiến 22
2.4.4. Khối lịch sử 23
2.4.5. Các cơ chế bá quyền: các tổ chức quốc tế 24
2.5. Sáng kiến "Vành đai và Con đường" của Trung Quốc dưới lăng kính lý thuyết bá quyền của Gramsci 24
2.6. Tiểu kết chương 2 33
CHƯƠNG 3 NHẬN ĐỊNH "NGOẠI GIAO BẪY NỢ" QUA KHÍA CẠNH CÁCH MẠNG THỤ ĐỘNG VÀ MÔ HÌNH CẤU TRÚC LỊCH SỬ CỦA GRAMSCI 34
3.1. Khái niệm "Ngoại giao bẫy nợ" 34
3.2. Sự trỗi dậy của Trung Quốc dưới góc nhìn Cách mạng thụ động 36
3.2.1. Sự thay đổi mô hình kinh tế chính trị của Trung Quốc 36
3.2.2. Ràng buộc từ mô hình tư bản chủ nghĩa Trung Quốc 37
3.2.2.1. Phụ thuộc vốn tư nhân 38
3.2.2.2. Phụ thuộc vốn nước ngoài 38
3.3.3. Chiến lược Trasformismo 40
3.3 "Ngoại giao bẫy nợ" dưới góc nhìn đánh giá các khía cạnh cấu trúc lịch sử của lý thuyết bá quyền Gramsci 42
3.3.1. Khả năng sản xuất vật chất 43
3.3.2. Ý tưởng và thể chế 45
3.4. Tiểu kết chương 3 51
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 52
1. Kết luận 52
2. Kiến nghị 53
TÀI LIỆU THAM KHẢO 54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Giá trị gia tăng của khu vực sản xuất tính theo phần trăm GDP trong thời gian 2004-2020 tại Trung Quốc.....6

Bảng 2: Tỷ trọng đầu tư của Sáng kiến Vành đai và Con đường ở các khu vực 10

Bảng 3: Sự hình thành bá quyền và những nguồn lực có liên quan 18

Bảng 4: So sánh các chính sách trong các chính sách thể hiện mức độ bền vững ngân hàng liên quan và chính sách ngân hàng Trung Quốc.....38

Bảng 5: Điểm xếp hạng tín dụng nền kinh tế tham gia Sáng kiến Vành đai và Con đường so với đầu tư dự án xây dựng 39

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

AIIB	Ngân hàng hạ tầng châu Á
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BRI	Sáng kiến Vành đai và Con đường
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
G20	Nhóm G20
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
IPE	Kinh tế chính trị thế giới
IR	Quan hệ quốc tế
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
PRC	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
SEZ	Đặc khu kinh tế
TNCs	Công ty xuyên quốc gia
TPP	Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương
GVC	Chuỗi giá trị toàn cầu
WB	Ngân hàng thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: "Ngoại giao bẫy nợ" trong Sáng kiến Vành đai và Con đường theo góc nhìn của lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci

- Sinh viên thực hiện: Lê Thanh Bình

- Lớp: QHK42 Khoa: Quốc tế học Năm thứ: 04 Số năm đào tạo: 04

- Người hướng dẫn: Th.S Ngũ Chánh Hào

2. Mục tiêu đề tài:

Nghiên cứu đề tài "*Ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc trong Sáng kiến Vành đai và Con đường dưới góc nhìn lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci,* nhóm nghiên cứu sẽ tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu sẽ khái quát lịch sử phát triển của Trung Quốc từ đầu những năm 1980 để làm rõ việc Trung Quốc đã thật sự vươn mình phát triển mạnh mẽ, dần trở thành một trong những cường quốc khu vực đóng vai trò cốt lõi về chính trị - kinh tế cũng như là an ninh trong hệ thống chính trị thế giới.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu sẽ phân tích Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) được Chủ tịch Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình công bố đến thế giới năm 2013, sau khi Trung Quốc có thể đã tự chủ hoàn toàn về các khía cạnh phát triển kinh tế - quân sự cũng như là ảnh hưởng chính trị. Từ đây, nhóm sẽ có những đánh giá áp dụng các khía cạnh lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci để đánh giá và xem xét liệu rằng Trung Quốc có khả năng xây dựng một trật tự bá quyền thay thế trật tự bá quyền Washington.

Thứ ba, Sáng kiến này đã vấp phải những quan ngại cũng như là những suy đoán của giới học giả về tính thực tiễn cũng như là tính minh bạch của Sáng kiến này đem lại cho các quốc gia ký kết. Đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, điển hình là vào năm 2017 với ý tưởng "ngoại giao bẫy nợ" như là một hình thức thúc đẩy chính trị thông qua BRI. Điều này đã tạo nên nhiều tranh cãi giữa các học giả trong vấn đề "bẫy nợ" ngoại

giao của Trung Quốc đối với các quốc gia BRI rơi vào "bẫy nợ". Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu sẽ tập trung phân tích khái niệm thuật ngữ "ngoại giao bẫy nợ" và đánh giá các quốc gia đang trong tình trạng không thể hoàn trả nợ thông qua mô hình cấu trúc lịch sử Gramsci để có những nhận định rõ ràng về khái niệm này.

3. Tính mới và Sáng tạo:

Đề tài đã làm rõ được những đặc điểm của cơ chế vay vốn chưa có nhiều tính gắn kết của Trung Quốc, khi tình hình bên trong nước này gặp những vấn đề tương tự trong việc quản lý xây dựng và tổ chức tiến hành triển khai các công tác xây dựng. Cũng như là những chính sách mang quản lý xây dựng cơ sở hạ tầng. Điều này xuất phát từ những mâu thuẫn đan xen bên trong bộ máy hoạt động của Trung Quốc kể từ sau công cuộc cải cách mở cửa đất nước và bị ảnh hưởng không ít giá trị từ các nước phương Tây. Mặc dù Trung Quốc đã đạt những thành tựu nhất định về cải cách kinh tế đất nước, tuy nhiên về mặt trình độ khoa học kỹ thuật, các khuôn khổ trong việc thực thi các chính sách của Trung Quốc vẫn chưa mang tính riêng biệt và không có tính bền vững cao so với các ngân hàng phát triển đa phương, các tổ chức phát triển tài chính. Điều này đã dẫn đến những hệ quả đến cả hai phía cho vay vốn và tiếp nhận vốn.

Qua việc phân tích các chi tiết và áp dụng lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci, đề tài đã phân tích được sự trỗi dậy của Trung Quốc qua các khía cạnh của lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci, điển hình là qua khía cạnh "cách mạng thụ động" để nói về cuộc cải cách của Trung Quốc sau cải cách và các vấn đề tồn đọng trong mô hình hoạt động của nước này trên các lĩnh vực. Đồng thời, nhóm nghiên cứu đã áp dụng mô hình cấu trúc lịch sử để làm rõ vấn đề "bẫy nợ" là đề tài gây tranh luận trong quan hệ quốc tế hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu:

Kết quả của đề tài nghiên cứu đã đánh giá được một số vấn đề lý luận và thực tiễn về khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc. Cũng như là phân tích nhấn mạnh sự tồn đọng của mô hình kinh tế - chính trị và xã hội Trung Quốc đã tác động ra sao trong các vấn đề quản lý và thực thi chính sách. Điều này đã dẫn đến việc các nước tham gia BRI không thể hoàn trả lại các khoản vay vốn, mang một khoảng gánh nặng

nợ nần đối với Trung Quốc. Vì vậy đã ảnh hưởng đến một loạt các hậu quả tiêu cực trong quá trình triển khai Sáng kiến Vành đai và Con đường vốn ban đầu được cho là mang lại những lợi ích hợp tác có tính chất hai bên cùng có lợi.

Đối với các nước tham gia Sáng kiến Vành đai và Con đường là những nước thuộc nhóm các nước đang phát triển, gặp nhiều hạn chế trong việc phát triển đất nước và khó khăn trong việc quản trị và phân bổ nguồn tài chính không hợp lý,... đồng thời điều đáng lưu ý nhất là các nước này thuộc vào nhóm nước không có tính bền vững cao trong việc hợp tác đầu tư vay vốn vì điểm tín dụng của các nước này thấp. Điều này dẫn đến việc các nước này bất chấp chấp nhận những khoản vay đầu tư vốn của Trung Quốc vốn mang tính chất thương mại với mức lãi suất cao từ nước này là điều hiển nhiên.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:

Nhóm nghiên cứu đã làm rõ được một số lý do xảy ra tình trạng "bẫy nợ" giữa Trung Quốc và các nước BRI qua trường hợp các nước này đang trong tình trạng không thể hoàn trả lại các khoản vay nợ. Cũng như là lỗ hổng phát sinh trong quá trình thực thi Sáng kiến "Vành đai và Con đường" của Trung Quốc đã gây nên tình trạng các nước tiếp nhận rơi vào việc không thể nào hoàn trả lại các khoản nợ cho Trung Quốc.

Cùng với đó, đề tài nghiên cứu này đã tạo cơ sở cho sinh viên chuyên ngành Quốc tế học học tập, nghiên cứu về lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci và những ảnh hưởng từ những tác động tiêu cực trong vấn đề tiếp nhận nguồn vay vốn đầu tư mang tính thương mại cao của Trung Quốc đối với các nước tham gia BRI.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài

Nhóm chưa có đề tài công bố khoa học.

Ngày 13 tháng 05 năm 2022

Sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài

(ký, họ và tên)

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài:

Nhóm nghiên cứu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Cụ thể, nhóm đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học đề ra từ đầu, làm rõ được các vấn đề nghiên cứu, sử dụng nhiều tài liệu tham khảo chất lượng trong và ngoài nước, và có kết luận mang tính khoa học cao.

Ngày 13 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học
(ký tên và đóng dấu)

Người hướng dẫn
(ký, họ và tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Ảnh 4x6

I. SƠ LƯỢC VỀ SINH VIÊN:

Họ và tên: Lê Thanh Bình
Sinh ngày: 21 tháng 09 năm 2000
Nơi sinh: Lâm Đồng
Lớp: QHK42 Khóa: K42
Khoa: Quốc tế học
Địa chỉ liên hệ: 35 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng
Điện thoại: 0969885192 Email:1810676@dlu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP:

*** Năm thứ 1:**
Ngành học: Quốc tế học Khoa: Quốc tế học
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích: Trung bình môn học kỳ 1: Điểm GPA hệ 4: 2.86
Trung bình môn học kỳ 2: Điểm GPA hệ 4: 2.82

*** Năm thứ 2:**
Ngành học: Quốc tế học Khoa: Quốc tế học
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích: Trung bình môn học kỳ 1: Điểm GPA hệ 4: 2.74
Trung bình môn học kỳ 2: Điểm GPA hệ 4: 2.73

*** Năm thứ 3:**
Ngành học: Quốc tế học Khoa: Quốc tế học
Kết quả xếp loại học tập: Xuất sắc
Sơ lược thành tích: Trung bình môn học kỳ 1: Điểm GPA hệ 4: 4.00
1 Trung bình môn học kỳ 2: Điểm GPA hệ 4: 4.00

***Năm thứ 4:**
Ngành học: Quốc tế học Khoa: Quốc tế học
Kết quả xếp loại học tập: Xuất sắc
Sơ lược thành tích: Trung bình môn học kỳ 1: Điểm GPA hệ 4: 3.86

Ngày 13 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học
(ký tên và đóng dấu)

Sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài
(ký, họ và tên)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống chính trị quốc tế hiện nay được Washington dẫn dắt, nhìn từ góc độ cấu trúc, Hoa Kỳ đã có những tác động sâu rộng đến tình hình trật tự chính trị - kinh tế cũng như là an ninh của thế giới. Tuy vậy, Chiến tranh Lạnh kết thúc được đánh dấu bằng sự kiện sụp đổ của bức tường Berlin, vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ được vững chắc, nhưng cũng sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh thế giới bước vào kỷ nguyên mới với những yếu tố làm xói mòn quyền lãnh đạo của quốc gia này. Sự phát triển của chủ nghĩa đa phương đang ngày trở nên quan trọng trong quan hệ ngoại giao, sự phát triển của các ốc đảo hòa bình hay các khối liên kết liên minh khu vực, các tổ chức quốc tế và phát triển mạnh mẽ của các cường quốc khu vực như Ấn Độ, Nhật Bản, Liên bang Nga, và hiện nay là sự trỗi dậy của Trung Quốc với tham vọng bá quyền của mình.

Những năm cuối thập niên 70 đầu năm 80 của thế kỷ XX, Trung Quốc đã bắt đầu vươn mình phát triển kinh tế nhanh chóng nhờ chính sách cải cách đổi mới định hướng từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường. Mặc dù có những trở ngại trong quá trình đổi mới và xây dựng nền tảng phát triển kinh tế, Trung Quốc vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ một cách thần kỳ và dần trở thành một trong những cường quốc kinh tế đóng vai trò cốt lõi trên thế giới. Với sự trỗi dậy của Trung Quốc hiện nay, người ta có thể thấy rõ ràng rằng Bắc Kinh đang là kẻ thách thức đe dọa đến quyền lãnh đạo của Washington. Điều này được thể hiện rõ qua hành động của Trung Quốc năm 2013, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình đã công bố đến thế giới Sáng kiến Vành đai và Con Đường (BRI) của mình. Đây như là một lời tuyên bố đầy tham vọng bá quyền của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ, cũng như thế giới về một Trung Quốc mạnh mẽ và đủ khả năng để dẫn dắt thế giới.

Sáng kiến "Vành đai và Con Đường" là một trong những chính sách ngoại giao quan trọng của Chủ tịch Tập Cận Bình. Với quy mô lớn về địa chính trị được kết nối từ châu Á đến châu Phi thông qua các tuyến đường sắt và cao tốc được xuất phát từ Trung Quốc. Cùng với đó là những vị trí chiến lược cốt lõi tại các cảng huyết mạch trong vận chuyển lưu thông hàng hóa trên biển. Sáng kiến này như một nền tảng để thúc đẩy các hợp tác – đầu tư nước ngoài dựa trên sự hợp tác cởi mở mang đậm tư duy của Trung Hoa. Sự thu hút của Sáng kiến này được các nước trên thế giới ủng hộ, đặc

biệt là các nước đang phát triển bởi sự hào phóng của các khoản vay, lợi ích trong việc đầu tư phát triển đất nước mà BRI đem lại. Tuy vậy, nhiều học giả quan ngại về tính hiệu quả cũng như tính minh bạch của BRI bởi quy mô lớn và động cơ là một công cụ về kinh tế để thúc đẩy các lợi ích, gia tăng sự ảnh hưởng quyền lực của Trung Quốc qua việc thực hiện các dự án thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường. Năm 2017, Tiến sĩ Brahma Chellaney đã có bài viết đánh giá về Sáng kiến Vành đai và Con đường, mô tả Sáng kiến này như là hình thức "ngoại giao bẫy nợ" khi phân tích trường hợp tại các nước nợ xấu, không có đủ khả năng trả nợ và một số khu vực chịu sự quản lý và ảnh hưởng can dự về chính trị và quyền lực của Trung Quốc. Thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường, Trung Quốc đã và đang thúc đẩy mở rộng các khoản vay hỗ trợ đầu tư – hợp tác các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng của những nước đang phát triển có vị trí chiến lược cốt lõi của Sáng kiến, nhằm xây dựng nền tảng về sự đồng thuận giữa các nước để mở rộng ảnh hưởng quyền lực bá quyền của Trung Quốc.

"Ngoại giao bẫy nợ" đang dần trở thành một trong những chủ đề trọng tâm trong quan hệ quốc tế bởi hậu quả của BRI mang lại cho các quốc gia đang phát triển là một gánh nợ khổng lồ, khiến họ không có khả năng hoàn trả. Chính vì điều này, đã khiến các nước BRI bị rơi vào "bẫy nợ" và chịu sự chi phối cũng như là ảnh hưởng của Trung Quốc trongviệc kiểm soát chủ quyền tại những dự án cơ sở hạ tầng. Điển hình như tại hai trường hợp là cảng biển Hambantota hay cảng biển Gwadar là những nơi có vị trí chiến lược quan trọng trong lưu thông vận chuyển hàng hải huyết mạch trên biển, hiện nay không có khả năng chi trả các khoản nợ và kết quả đã rơi vào "bẫy nợ" của Trung Quốc. Nguyên nhân các nước trong dự án, đặc biệt là các nước đang phát triển bị rơi vào bẫy nợ là vì chính những nước này vẫn chưa đủ khả năng để đánh giá các rủi ro của dự án. Hơn thế nữa, một yếu tố khác khiến những quốc gia BRI không có khả năng hoàn trả các khoản nợ đó chính là nền chính trị quan liêu và tham nhũng cùng với đó là cơ sở quản trị hệ thống nhà nước yếu kém. Trước những hậu quả về "bẫy nợ" của BRI mang lại cho các quốc gia đang phát triển, đã tạo nên nhiều mối lo ngại cho các nước. Qua đây, các nước phương Tây đã có những động thái nhìn nhận, phản đối và chỉ trích tiêu cực trước những hành động can thiệp giành quyền quản lý của Trung Quốc tại các nước rơi vào "bẫy nợ", cũng như là sức mạnh của Trung Quốc trong việc mở rộng ảnh hưởng của mình thúc đẩy bá quyền về thương

mại, quân sự để gia tăng quyền lực và đe dọa đến lợi ích của các nước phương Tây về thương mại, an ninh và đặc biệt là vai trò lãnh đạo toàn cầu của Hoa Kỳ hiện nay.

Qua đề tài nghiên *cứu "Ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc trong Sáng kiến Vành đai và Con đường dưới góc nhìn lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci,* nhóm nghiên cứu sẽ phân tích làm rõ vấn đề "ngoại giao bẫy nợ" còn nhiều tranh cãi, suy đoán của giới học giả về việc cho vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của Trung Quốc là một phần quan trọng trong Sáng kiến Vành đai và Con đường. Cùng với đó là đánh giá vấn đề nợ tại những quốc gia đang phát triển để làm rõ những tác động kết quả từ các khoản vay của Trung Quốc mang lại.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Hiện tại, về đề tài "*Ngoại giao bẫy nợ" trong Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc,* có những công trình nghiên cứu như sau:

Đối với các công trình nghiên cứu nước ngoài:

Trong bài nghiên cứu "On Some Obstacles and Challenges to The Implementation of The Chinese Initiative One Belt, One Road" năm 2019 của tác giả Aghavni Harutynyan đã đánh giá sâu sắc về vấn đề tác động của Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) trong cán cân quyền lực trong hệ thống chính trị thế giới. Tuy vậy, với mức độ về quy mô khổng lồ hợp tác với 70 quốc gia trên thế giới, một số người đã dấy lên lo ngại về các vấn đề của BRI về khả năng hoạt động, tính minh bạch của Sáng kiến này mang lại.

Bài báo khoa học *"The Emergence and Fallacy of China's Debt-Trap Diplomacy Narrative"* năm 2020 của hai tác giả Xu Shaomin & Li Jiang có những phân tích khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc đã dần được xuất hiện ở phương Tây cũng như được đẩy mạnh bởi các phương tiện truyền thông, các bài diễn thuyết đã làm cho tính chính đáng của Trung Quốc bị giảm sút một phần uy tín trong các vấn đề ký kết hợp tác, cùng với đó là những đề xuất mở rộng, nỗ lực của Sáng kiến để có thể phát triển mạnh trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Hai tác giả Lee Jones và Shahar Hameiri đã có bài phân tích "*Debunking the Myth of Debt-trap Diplomacy" How Recipient Countries Shape China's Belt and Road Initiative"* năm 2020 đã phân tích đưa ra những lập luận chứng minh những ý

tưởng "ngoại giao bẫy nợ" của phương Tây là hoàn toàn ngược lại với ý tưởng ban đầu về BRI – đây là một kế hoạch đã và đang phát triển mạnh mẽ thông qua các tương tác toàn cầu về khía cạnh chính trị và kinh tế bởi các giá trị nền tảng làm động lực để thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển cùng hợp tác vì lợi ích chung.

Trong bài báo phân tích *"China's Malleable Sovereignty Along The Belt and Road Initiative: The Case of The 99-Years Chinese Lease of Hambantota Port"* năm 2018 của tác giả Maria Adele Carrai đã có phân tích sâu sắc về khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc được thực hiện tại trường hợp nghiên cứu cảng Hambantota tại Sri Lanka cho Trung Quốc thuê 99 năm. Điều này đã dấy lên nhiều mối quan ngại về chủ quyền lãnh thổ của Sri Lanka khi rơi vào "bẫy nợ" và phải đàm phán với Trung Quốc cho thuê cảng Hambantota. Hơn thế nữa, bài báo đã phân tích các thỏa thuận liên quan đến trường hợp nghiên cứu trong thỏa thuận thuê cảng và phân tích dựa trên pháp luật quốc tế để đánh giá về khái niệm của Trung Quốc về chủ quyền.

Bài báo nghiên cứu khoa học *"A Critical Look at Chinese debt-trap diplomacy": The Rise of A Meme"* năm 2020 của tác giả Deborah Brautigam đã có những đánh giá toàn diện về sự hình thành ý tưởng về khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" cũng Trung Quốc đối với các phương tiện truyền thông phương Tây, cùng với đó là những lời chỉ trích, diễn thuyết của chính trị phương Tây về khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" trong Sáng kiến Vành đai và Con đường. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã có những phân tích, nhìn nhận các hoạt động thương mại, ngoại giao tại các nước đang phát triển tại châu Á, châu Phi đối với Trung Quốc.

Đối với những công trình nghiên cứu trong nước:

Hiện tại trong nước chưa có công trình nào về "ngoại giao bẫy nợ" trong Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài "*Ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc trong Sáng kiến Vành đai và Con đường dưới góc nhìn lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci,* nhóm nghiên cứu sẽ tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu sẽ khái quát lịch sử phát triển của Trung Quốc từ đầu những năm 1980 để làm rõ bối cảnh về Trung Quốc đã thật sự vươn mình phát triển mạnh mẽ dần trở thành một trong những cường quốc khu vực đóng vai trò cốt lõi trong chính trị - kinh tế cũng như là an ninh trong hệ thống chính trị thế giới.

Thứ hai, nhóm nghiên cứu sẽ phân tích Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) được Chủ tịch Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình công bố đến thế giới năm 2013 sau khi Trung Quốc có thể đã tự chủ hoàn toàn về các khía cạnh phát triển kinh tế - quân sự cũng như là ảnh hưởng chính trị. Từ đây, nhóm sẽ có những đánh giá áp dụng các khía cạnh lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci để đánh giá và xem xét liệu rằng Trung Quốc có khả năng xây dựng một trật tự bá quyền thay thế trật tự bá quyền Washington.

Thứ ba, tuy vậy, Sáng kiến này đã vấp phải những quan ngại cũng như là những suy đoán của giới học giả về tính thực tiễn cũng như là tính minh bạch của Sáng kiến này đem lại cho các quốc gia ký kết, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Điển hình là vào năm 2017 với ý tưởng "ngoại giao bẫy nợ" như là một hình thức thúc đẩy chính trị thông qua BRI. Điều này đã tạo nên nhiều tranh cãi giữa các học giả trong vấn đề "bẫy nợ" ngoại giao của Trung Quốc đối với các quốc gia BRI rơi vào "bẫy nợ". Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu sẽ tập trung phân tích khái niệm thuật ngữ "ngoại giao bẫy nợ" và đánh giá các cơ chế quản lý dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ chế vay, và các quốc gia đang trong tình trạng không thể hoàn trả nợ thông qua mô hình cấu trúc lịch sử Gramsci để có những nhận định rõ ràng và mang tính học thuật về khái niệm đang có nhiều tranh luận trong quan hệ quốc tế hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài được xác định các vấn đề lý luận và thực tiễn về khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc. Cụ thể, những lỗ hổng trong cơ chế cho vay vốn đầu tư của Trung Quốc đối với các nước tham gia Sáng kiến Vành đai và Con đường, và ngược lại là phân tích tình hình bên trong các nước tham gia Sáng kiến. Bên cạnh đó, nhóm tác giả sẽ tiến hành đánh giá tiến trình thay đổi mô hình kinh tế chính trị của Trung Quốc trong việc hình thành xây dựng trật tự bá quyền hiện nay, điều này được phản ánh qua Sáng kiến Vành đai và Con đường đầy tham vọng của Chủ tịch Tập Cận Bình, và cuối cùng là những phân tích về lý thuyết bá quyền để

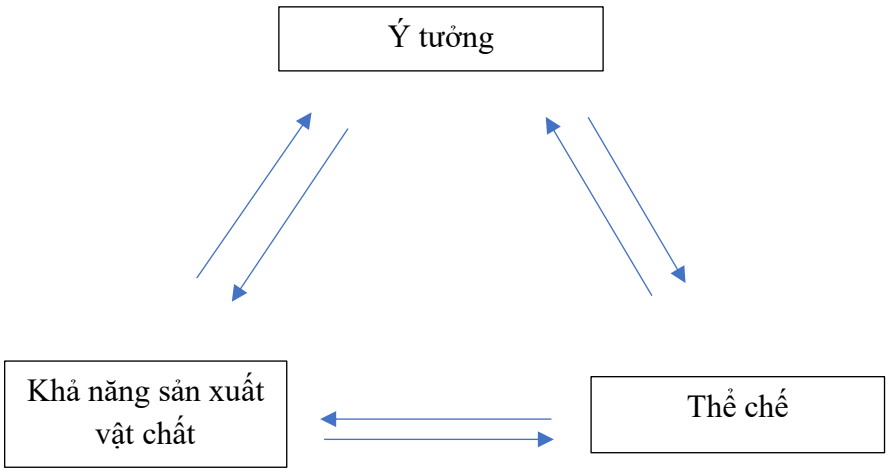
nhóm nghiên cứu có những áp dụng để đưa ra những nhận định mang tính học thuật về khái "ngoại giao bẫy nợ".

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, nhóm tác giả tiếp cận thông tin chủ yếu qua các bài báo khoa học, tin tức về các chuyển biến quốc tế có liên quan đến "ngoại giao bẫy nợ" và cách triển khai của Trung Quốc và các sách nghiên cứu chuyên ngành Quan hệ quốc tế về lý thuyết bá quyền của Gramsci cũng như các vấn đề có liên quan để minh chứng cho các kết luận của mình.

Bên cạnh đó, nhóm sẽ tiến hành áp dụng phương pháp luận cấu trúc lịch sử của Cox để phân tích khái niệm "ngoại giao bẫy nợ", mô hình chủ thể duy lý để triển khai khái niệm BRI: lý do là vì không có nhiều thông tin về việc nội bộ Trung Quốc triển khai Sáng kiến BRI, và BRI cũng triển khai một cách nhất quán mà chưa có nhiều bất đồng nội bộ. Đồng thời, áp dụng phân tích mô hình chính trị - chính phủ để đánh giá lý do tại sao các nước BRI tiếp nhận các khoản vay của Trung Quốc.

Sơ đồ cấu trúc lịch sử



Trên cơ sở đó, nhóm tác giả sẽ tiến hành phương pháp đánh giá, phương pháp so sánh cũng như phân tích sâu các vấn đề trong đề tài "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc trong Sáng kiến Vành đai và Con đường dưới góc nhìn lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci để có nhận định chính xác.

6. Những điểm mới của đề tài

Đề tài đã làm rõ được những đặc điểm của cơ chế vay vốn chưa có nhiều tính gắn kết của Trung Quốc khi tình hình bên trong nước này gặp những vấn đề tương tự trong việc quản lý xây dựng và tổ chức tiến hành triển khai các công tác xây dựng cũng như là những chính sách mang quản lý xây dựng cơ sở hạ tầng. Điều này đã xuất phát từ những mâu thuẫn đan xen bên trong bộ máy hoạt động của nước này kể từ sau công cuộc cải cách mở cửa đất nước và bị ảnh hưởng không ít của giá trị từ các nước phương Tây. Mặc dù Trung Quốc đã đạt những thành tựu nhất định về cải cách kinh tế đất nước, tuy nhiên về mặt trình độ khoa học kỹ thuật, các khuôn khổ trong việc thực thi các chính sách của Trung Quốc vẫn chưa mang tính riêng biệt và không có tính bền vững cao so với các ngân hàng phát triển đa phương, các tổ chức phát triển tài chính. Điều này đã dẫn đến những hệ quả đến cả hai phía cho vay vốn và tiếp nhận vốn.

Qua việc phân tích các chi tiết và áp dụng lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci, đề tài đã phân tích được sự trỗi dậy của Trung Quốc qua các khía cạnh của lý thuyết bá quyền, điển hình là qua khía cạnh "cách mạng thụ động" để nói về cuộc cải cách của Trung Quốc sau cải cách và các vấn đề tồn đọng trong mô hình hoạt động của nước này trên các lĩnh vực. Đồng thời, nhóm nghiên cứu đã áp dụng mô hình cấu trúc lịch sử để làm rõ vấn đề "bẫy nợ" là đề tài gây tranh luận trong quan hệ quốc tế hiện nay.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, giới thiệu, kết luận, nội dung chính của bài nghiên cứu sẽ được chia ra làm 3 chương:

- Chương 1: Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong hệ thống quốc tế
- Chương 2: Sáng kiến vành đai và con đường của Trung quốc - chiến lược thúc đẩy bá quyền của Trung Quốc lăng kính của lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci
- Chương 3: Nhận định "ngoại giao bẫy nợ" qua khía cạnh cách mạng thụ động và mô hình cấu trúc lịch sử của Gramsci

GIỚI THIỆU

Năm 2013, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình đã đề xuất Sáng kiến Vành đai và Con đường đến với thế giới. Đây là một trong những chính sách ngoại giao quan trọng mang tính chất kinh tế và chính trị, với quy mô lớn kết nối hầu hết các khu vực trên thế giới. Sáng kiến này là một nền móng vững chắc để thúc đẩy về hợp tác – đầu tư kinh tế đối với các nước tham gia BRI được dựa trên sự gắn kết cởi mở bởi những khoảng đầu tư hào phóng và hấp dẫn để thu hút các nước trên thế giới cùng tham gia vào Sáng kiến này. Tuy vậy, hiện nay Sáng kiến này vấp phải nhiều tranh luận về việc có hay không việc Trung Quốc thực hiện "ngoại giao bẫy nợ" được tiến sĩ người Ấn Độ đưa ra thuật ngữ vì Sáng kiến này chưa thể hiện rõ nhiều về tính minh bạch cũng như cách thức quản lý cho vay nợ và tính bền vững của dự án, động cơ mà BRI mang lại để thúc đẩy các lợi ích và ảnh hưởng quyền lực của Trung Quốc đối với các nước trong khu vực cũng như là trên thế giới.

Qua bài nghiên cứu *Ngoại giao bẫy nợ trong Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc dưới góc nhìn lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci*, nhóm nghiên cứu sẽ phân tích và làm rõ các các khía cạnh xoay quanh khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" để lý giải và làm rõ các vấn đề dựa trên lý thuyết bá quyền Antonio Gramsci – một lý thuyết mang màu sắc chủ nghĩa lịch sử để đánh giá toàn bộ vấn đề nghiên cứu. Để có được một góc nhìn trực quan và sâu sắc về các vấn đề: (i) sự trỗi dậy của Trung Quốc trong lịch sử đặc biệt là trong bối cảnh khủng hoảng tài chính năm 2008 Trung Quốc đã có những bức phá giữ ổn định nền kinh tế và tiếp tục phát triển mạnh để đạt được những thành tựu vượt bậc và tạo nên nhiều ảnh hưởng sức mạnh, điều này đã đe dọa đến trật tự bá quyền Washington, (ii) với sự hình thành trật tự bá quyền của Trung Quốc trong quá trình tích lũy tư bản của mình, Trung Quốc đang gặp phải nhiều rào cản khi chưa thể trải qua cuộc cách mạng triệt để hoàn toàn như các nước phương Tây điển hình như Hoa Kỳ, Anh Quốc, Tây Ban Nha. Hơn thế nữa, Trung Quốc vẫn đang phụ thuộc nhiều vào thị trường kinh tế thế giới do Hoa Kỳ dẫn dắt. Điều này dẫn đến hệ quả là Trung Quốc vẫn chưa thoát khỏi được "cái bóng" của các nước phương Tây khi nền kinh tế nước này xuất hiện tình trạng dư thừa sản xuất, trình độ khoa học – kỹ thuật chưa có bước tiến mới,... và đặc biệt là vấn đề quản lý dự án đầu tư, cơ chế hợp tác đầu tư vốn lỏng lẻo không được thắt chặt. (iii) Chính vì vậy đã nảy sinh ra nhiều

vấn đề trong quá trình hình thành xây dựng thể chế về một trật tự bá quyền mới của Trung Quốc là điều khó có thể thực hiện trong tương lai ngắn hạn và trung hạn về "giấc mộng Trung Hoa" thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường để tạo nên một hình ảnh tập thể với Trung Quốc ở vị trí trung tâm. Việc triển khai Sáng kiến đã xảy ra những vấn đề được phân tích qua khía cạnh thể chế trong cấu trúc lịch sử Gramsci khi cơ chế thiếu tính gắn kết của Trung Quốc cũng như là việc các nước tiếp nhận không đủ điều kiện để quản lý và điều tiết hợp lý các nguồn vốn. Bên cạnh đó, những nước BRI thuộc nhóm các nước đang phát triển đang gặp nhiều vấn đề trong chính sách quản lý điều hành, và đánh giá dự án. Điều này đã dẫn đến những hệ quả tiêu cực đối với các nước BRI trong việc không thể hoàn trả lại những khoản nợ khổng lồ vốn với mục đích ban đầu đều có lợi cho cả hai bên.

CHƯƠNG 1: SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC TRONG HỆ THỐNG QUỐC TẾ

1.1. Chính sách mở cửa phát triển đất nước của Đặng Tiểu Bình - bước khởi đầu phục hưng Trung Hoa

1.1.1. Trung Quốc trước công cuộc cải cách

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử cùng ba cuộc nội chiến, cuối cùng, vào ngày 1 tháng 10 năm 1949, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã tuyên bố thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Trong thời kỳ làm Chủ tịch nước, ông đã theo mô hình xã hội chủ nghĩa, kinh tế tập trung vào nhà nước (The People's commune: Công xã nhân dân) với mục đích là phát triển những dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Dù đạt được những thành tựu nhất định trong việc xây dựng hệ thống hành chính nhà nước và mô hình kinh tế tập trung, phát triển giáo dục, nhưng việc tập trung cao độ kế hoạch hóa và phủ nhận vai trò của thị trường đã dẫn đến việc mất cân đối giữa lượng cung và cầu (Fang, Garnaut, và Song 2018). Vì vậy, điều này đã làm cho việc tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đi xuống theo số âm và lạc hậu, cũng như kéo theo một loạt hệ quả tiêu cực tác động đến đời sống xã hội và hơn thế nữa là kéo theo cả hệ thống chính trị đi xuống (Binder & La Palombara 2015). Từ đó, các nhân tố này đã hình thành nên các tác động tiêu cực, ảnh hưởng lớn đến tình hình đối nội lẫn đối ngoại của Trung Quốc.

1.1.2. Chính sách cải cách mở cửa đất nước của Đặng Tiểu Bình

Nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình cùng chính sách Cải Cách (Reform): Cải cách kinh tế theo định hướng thị trường và Mở Cửa (Opening): Tập trung vào kinh tế xuyên biên giới - gắn kết với thế giới tự do bên ngoài (Delisle & Goldstein 2019, tr.3). Sự thay đổi chính sách cải cách và mở cửa kinh tế đã tạo nên những sự thay đổi và phát triển kinh tế rõ ràng tại các khu vực nông thôn, cũng như ngày càng nhiều doanh nghiệp được phát triển và chủ động hơn trong các hoạt động thương mại kể cả trong nước và ngoài nước. Tuy nhiên, việc triển khai cải cách kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế tại nông thôn so với đô thị dẫn đến tỷ lệ chênh lệch giàu nghèo ở Trung Quốc ngày càng lớn. Chính sách này đã tạo nên bước khởi đầu phục hưng Trung Hoa. Có thể nói, đây là chính sách quan trọng làm thay đổi cả nền kinh tế của Trung Quốc theo một hướng mới năng động và nhiều cơ hội để phát triển vượt bậc (Morrison 2006). Không chỉ vậy, nó đã trở thành một trong những điểm then chốt trong việc đánh dấu sự trỗi dậy, và từng bước thực hiện hóa "giấc mộng Trung Hoa" thông qua những chính sách

đối ngoại nhằm thay thế vai trò lãnh đạo thế giới của Hoa Kỳ (Mohanty 2013). Điều này mang đến mối đe dọa cho Mỹ và dẫn đến những tương tác gây căng thẳng đối đầu cho hai bên vì những lợi ích và mục đích chủ quan của cả hai phía (Friedberg 2005). Cụ thể phải chăng Hoa Kỳ đã thách thức con hổ như trong cảnh báo của Napoleon "Hãy để Trung Quốc ngủ yên, vì khi thức dậy, nó sẽ làm rung chuyển thế giới"? (Brzezinski & Lê 1999).

1.2. Khôi phục mối quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ - Yếu tố quyết định cho Trung Quốc ngày càng phát triển

1.2.1. Khái quát lịch sử quan hệ giao Hoa Kỳ - Trung Quốc từ năm 1949

Kể từ khi Trung Quốc thành lập năm 1949 cho đến năm 1969, quan hệ ngoại giao giữa nước này và Hoa Kỳ vẫn trong tình trạng đóng băng và luôn trong đà căng thẳng. Không chỉ có những xung đột trong vấn đề khủng hoảng eo biển Đài Loan (các năm 1954, 1956 và xu thế này vẫn còn tiếp diễn cho đến năm 1996 về sau), hay việc Trung Quốc theo lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản mà còn là xung đột về ý thức hệ, chính trị và kinh tế trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh (1946-1989) của hai nước Mỹ và Liên Xô. Vì vậy, điều này đã dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực đối với Trung Quốc khi Hoa Kỳ có những biện pháp siết chặt, trừng phạt: Không công nhận chủ quyền, kêu gọi các nước cô lập ngoại giao với Trung Quốc, liên minh thiết lập quân sự nhằm kiềm chế sự phát triển của Trung Quốc. Trong giai đoạn từ năm 1969 đến 1979, căng thẳng xung đột biên giới Trung Quốc - Liên Xô diễn ra khiến cho hai nước này có những chia rẽ và trở thành kẻ thù của nhau.

Qua đây, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã bắt đầu có những hợp tác dựa trên những lợi ích cốt lõi được thể hiện qua chính sách ngoại giao. Với bước đầu bình thường hóa mối quan hệ ngoại giao kết nối hai nước qua "ngoại giao bóng bàn" để trở thành đối tác. Tiếp đến, vào tháng 4/1971 hai nước đã có những động thái ngoại giao bí mật lẫn công khai để tạo nền tảng cho việc nối lại mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước và đưa ra những hiệp định ký kết để đi đến bình thường hóa mối quan hệ. Tuy vậy, trong giai đoạn này, mối quan hệ ngoại giao vẫn còn những hạn chế và có những tiến triển chậm. Nguyên nhân là Hoa Kỳ vẫn chưa thể công nhận ngoại giao với Trung Quốc cũng như vẫn còn những hoài nghi trong việc đặt niềm tin vào mối quan hệ này. Vì cả hai bên vẫn còn các vấn đề trong lịch sử chưa thể giải quyết (Asia for Educators Columbia University). Mặc dù vậy, quan hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc

vẫn tiếp tục có những bước phát triển tích cực. Điều này được thể hiện qua sự kiện Tổng thống Clinton ký đạo luật bình thường hóa thương mại với Trung Quốc vào ngày 7 tháng 10 năm 2000 (CBS News STAFF). Có thể khẳng định rằng, trong giai đoạn này mối quan hệ ngoại giao này đã mở ra một trang mới tạo tiền đề để Trung Quốc được phát triển hơn.

Qua đây, việc bình thường hóa mối quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ đã tạo điều kiện cho Trung Quốc được phát triển kinh tế một cách mạnh mẽ, và được mở nhiều cơ hội trong việc tham gia các diễn đàn hợp tác kinh tế, tiến đến gia nhập WTO năm 2001 để đẩy mạnh quá trình sản xuất và xuất khẩu hàng hóa và trở thành một trong những cường quốc kinh tế cốt lõi hiện nay.

1.2.2. Vị thế của Trung Quốc trong hệ thống trật tự chính trị hiện nay

1.2.2.1. Cải thiện và thúc đẩy phát triển kinh tế

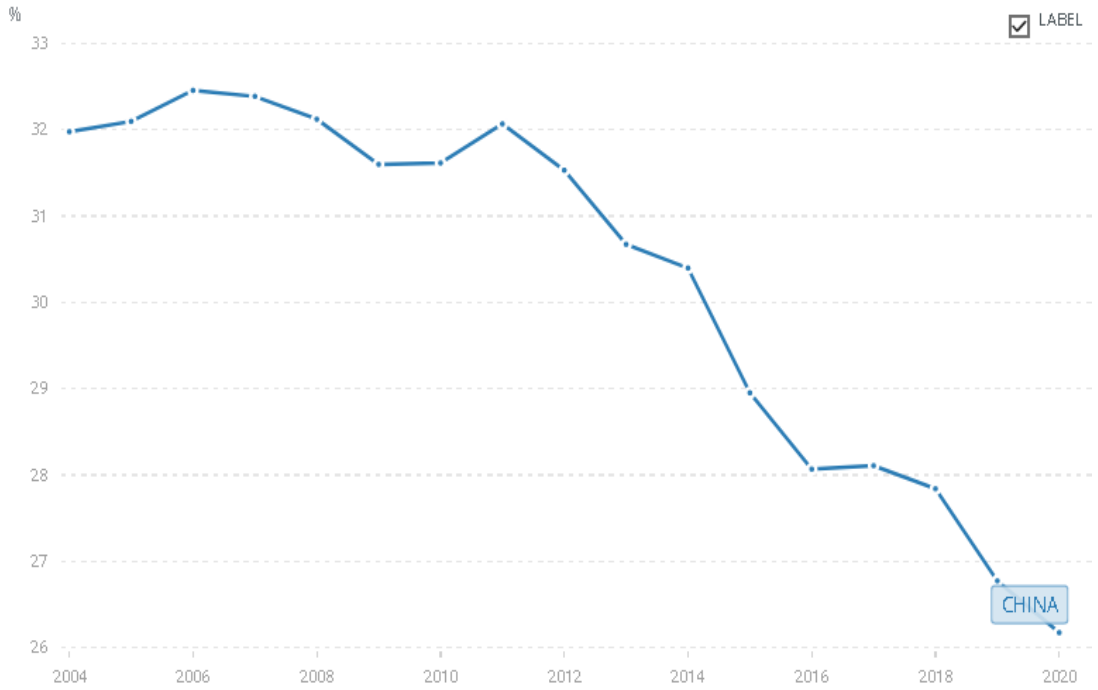
Sau khi thực hiện chính sách "Cải cách và Mở cửa", Trung Quốc đã bắt đầu mở rộng hợp tác vào nền kinh tế thế giới và gia nhập vào WTO (World Trade Orgazaiton). Yếu tố này đã mở ra một thị trường cạnh tranh lành mạnh bắt buộc các DNNN (Doanh nghiệp nhà nước), DNTN (Doanh nghiệp tư nhân) sẽ phải thay đổi cơ cấu và phân bổ nguồn lực của doanh nghiệp theo chiều hướng tích cực. Cụ thể, chính sách này nhấn mạnh vào các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ (Yao 2018). Bên cạnh đó, việc Trung Quốc tham gia vào WTO đã làm gia tăng khả năng cung - cầu của thị trường thương mại trên thế giới cũng như trong nước. Điều này tạo nên sự thúc đẩy kinh tế, hiện đại hóa một cách mạnh mẽ và gia tăng mức sống cho người dân Trung Quốc. Từ đây, Trung Quốc đã có thể tạo nên được ảnh hưởng và ổn định tình hình chính trị trong nước. Sức gia tăng phát triển kinh tế của Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu cao.

1.2.2.2. Điều kiện cho Trung Quốc đánh thức tiềm năng, trở thành đối thủ cạnh tranh của Hoa Kỳ

Sự vươn lên một cách vượt bậc của Trung Quốc đã tạo nên nhiều mối đe dọa cho hệ thống chính trị - tài chính của Hoa Kỳ. Năm 2010, Trung Quốc đã trở thành cường quốc kinh tế chỉ sau Mỹ. Để đạt được thành tựu này, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trải qua các quá trình thực hiện đổi mới kinh tế để phù hợp với xu hướng thị trường theo định hướng mang màu sắc chính trị Trung Hoa. Cùng với đó, Trung Quốc đã có những chính sách hợp tác kinh tế để thúc đẩy nền kinh tế trong khu vực và thế giới thông qua vai trò của các tổ chức quốc tế, các mối quan hệ ngoại giao song

phương và đa phương giữa các quốc gia để tạo thành một mạng lưới kinh tế chia sẻ những lợi ích. Một phần nhờ vào các yếu tố này, Trung Quốc đã trở thành nhà sản xuất lớn nhất thế giới. Tính từ năm 2004 đến năm 2020 giá trị gia tăng khu vực sản xuất (tính theo phần trăm GDP), với giá trị trung bình của giai đoạn 2004 đến 2020 là 30,28% với mức tối thiểu vào năm 2020 và tối đa là vào năm 2006 là 32,45% , năm 2020 là 26,18% cao hơn so với thế giới (trung bình dựa trên 123 quốc gia) là 13,05% (TheGlobalEconomy).

Bảng 1: Giá trị gia tăng của khu vực sản xuất tính theo phần trăm GDP trong khoảng thời gian 2004-2020 tại Trung Quốc



(Nguồn: World Bank 2020)

Sự trỗi dậy mạnh mẽ về kinh tế của Trung Quốc dường như đã tạo nên những mối đe dọa đến Hoa Kỳ không chỉ về kinh tế mà còn về thu hẹp khoảng cách ảnh hưởng quốc tế giữa hai nước. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang ngày càng trở thành một trong những điểm Sáng đầy tiềm năng với những lợi thế về địa lý, tài nguyên thiên nhiên. Các yếu tố này sẽ tạo điều kiện cho các nước đặc biệt là Trung Quốc được phát triển và mở rộng nền kinh tế. Từ đó các vấn đề lớn trong quan hệ thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc cũng nảy

sinh có liên quan đến vị thế của các nước này trong khu vực này (Geithner 2009; Samuelson 2010; Pearlstein 2010).

1.3. Cuộc khủng hoảng năm 2008 – nay

1.3.1. Sự thay đổi của trật tự thế giới sau cuộc khủng hoảng tài chính

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 là một trong những sự kiện đã làm đảo lộn trật tự hệ thống tài chính thế giới, và dẫn đến những ảnh hưởng to lớn đối với nền chính trị kinh tế thế giới đến thời điểm hiện tại. Tuy vậy, trong khoảng thời gian 2008-2009 và cả các giai đoạn về sau, trái ngược với sự đảo lộn nền kinh tế ảnh hưởng đến các nước, những cường quốc trong khối BRICs (tên gọi một khối với các nền kinh tế mới nổi: Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc) không bị tác động nhiều bởi cuộc khủng hoảng kinh tế (Christina 2020). Chính vì vậy, Trung Quốc đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng năm 2008 và ngày càng gia tăng phát triển sức mạnh về kinh tế cũng như quốc phòng. Kể từ thời gian này, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc đã giảm 10% nhưng đây vẫn là một kỷ lục kinh tế, giữ vững được ổn định hơn đối với các nước trên thế giới đang bị khủng hoảng (Wong 2011). Từ đó, Trung Quốc đã trở thành một trong những thị trường kinh tế độc lập, năng động và đầy tiềm năng với việc trở thành nhà sản xuất hàng hóa lớn thế giới tính theo sức mua tương đương (EveryCRSReport.com).

1.3.2. Tác động của cuộc khủng hoảng năm 2008

Đây là khoảng thời gian suy thoái nghiêm trọng của Hoa Kỳ kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai. Trong năm 2008, đã có 84 nghìn người lao động Mỹ bị mất việc làm, các tổ chức tài chính khổng lồ và lâu đời cũng đã lần lượt phá sản, các khu vực liên doanh nghiệp bắt buộc phải thu hẹp sản xuất, sa thải lao động (ABC news 2008). Về khía cạnh chính trị và quyền lực, hệ thống trật tự thế giới do Hoa Kỳ thiết lập đang bị đe dọa một phần bởi ảnh hưởng bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc kể từ khi cải cách phát triển kinh tế.

Là một trong những trường hợp đặc biệt ít bị tác động bởi ảnh hưởng năm 2008, Trung Quốc đã giữ vững ổn định không để bị tổn thương nền kinh tế trong nước. Với những chính sách kích cung và đưa ra các gói hỗ trợ kịp thời. Sau sự phá sản của tập đoàn Lehman Brothers, chính phủ Trung Quốc đã thay đổi trọng tâm chính sách từ kiềm chế lạm phát sang đảm bảo tăng trưởng kinh tế ổn định. Những thay đổi chính sách cơ cấu để giữ ổn định và phát triển kinh tế của Trung Quốc đã dẫn đến các hệ quả

tích cực về quyền lực chính trị của mình. Qua đây, Trung Quốc đã trở thành một trong những từ khóa tìm kiếm nhiều nhất đó chính là "sức mạnh mềm của Trung Quốc", "ảnh hưởng sức mạnh mềm của Trung Quốc",... (Nye, 2010) với những nỗ lực thúc đẩy truyền thông, các chiến lược mũi nhọn để quảng bá văn hóa và gia tăng sức mạnh của Trung Quốc ra thế giới. Bên cạnh khía cạnh sức mạnh mềm, sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc của Trung Quốc đã làm tăng khả năng hạn chế chống lại sự lôi kéo của Hoa Kỳ đối với thế giới. Trong một cuộc khảo sát nghiên cứu của Trung tâm khảo sát nghiên cứu Pew 2011, 15/22 quốc gia đã tin rằng Trung Quốc sẽ thay thế vai trò của Hoa Kỳ dẫn dắt thế giới. Sự kiện khủng hoảng tài chính đã làm thay đổi nhiều khía cạnh trong các lĩnh vực toàn cầu, cũng như nhận thức lại vai trò về cán cân quyền lực của thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ khi sự trỗi dậy của Trung Quốc ngày càng gia tăng, điều này đã đe dọa đến Mỹ về vị thế của mình trong hiện tại và tương lai (Pew Research Center 2011).

1.4. Tiểu kết chương 1

Trong công cuộc cách mạng thay đổi mô hình kinh tế Trung Quốc năm 1978, với chính sách "Cải cách và Mở cửa" của Đặng Tiểu Bình để gia nhập vào thị trường kinh tế tự do phát triển kinh tế, cùng với việc bình thường hóa ngoại giao với Hoa Kỳ đã mở ra một cơ hội mới để Trung Quốc gia nhập trở lại hệ thống chính trị toàn cầu. Không chỉ vậy, với những chính sách tài khóa của Trung Quốc để điều chỉnh cân bằng nền kinh tế thị trường trong nước đã tránh bị tác động bởi cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Sau khoảng thời gian này, Trung Quốc đã từng bước phát triển kinh tế vượt bậc. Qua đây, Trung Quốc một lần nữa được "hồi sinh" để trở thành một trong những cường quốc đóng vai trò cốt lõi trên thế giới và dần có nhiều ảnh hưởng quyền lực trong hệ thống quốc tế. Điều này đã tác động rất nhiều đến trật tự bá quyền của Hoa Kỳ hiện nay.

CHƯƠNG 2 SÁNG KIẾN VÀNH ĐAI VÀ CON ĐƯỜNG CỦA TRUNG QUỐC - CHIẾN LƯỢC THÚC ĐẨY BÁ QUYỀN CỦA TRUNG QUỐC CỦA CHỦ TỊCH TẬP CẬN BÌNH THEO LĂNG KÍNH CỦA LÝ THUYẾT BÁ QUYỀN CỦA ANTONIO GRAMSCI

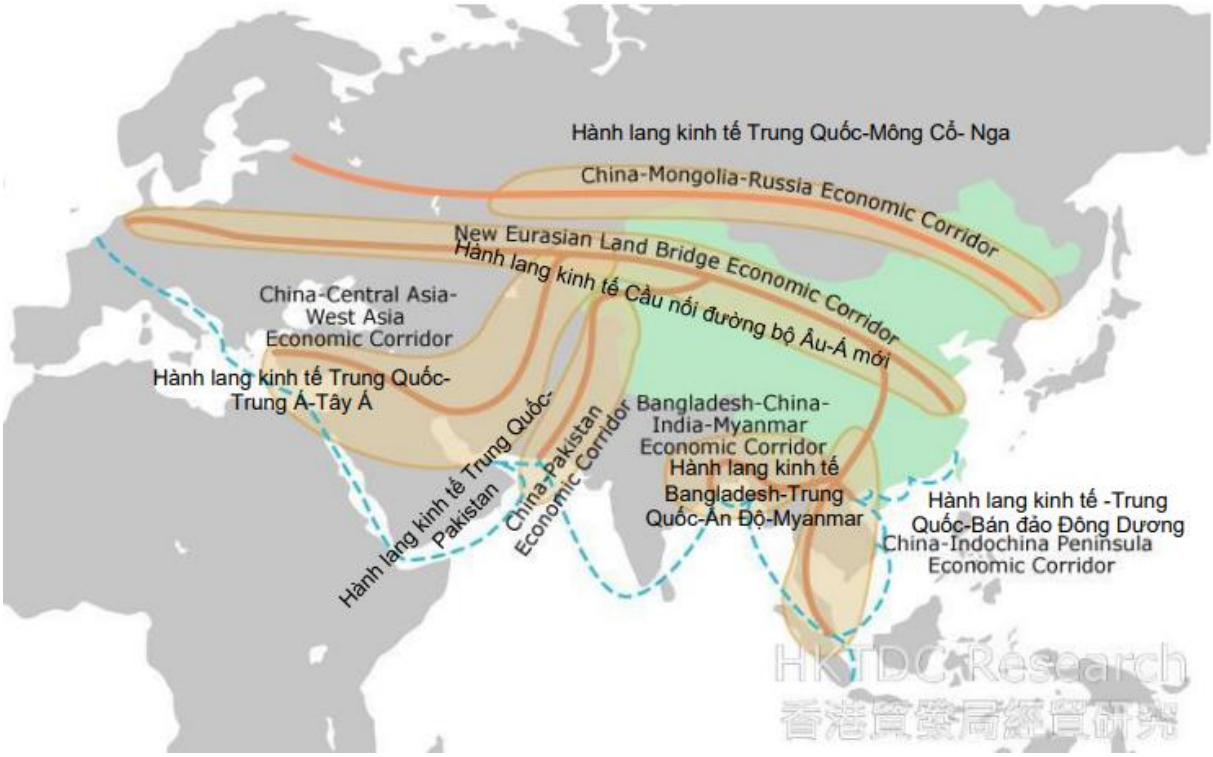
2.1. Khái quát Sáng kiến Vành đai và Con Đường

Trung Quốc hiện nay đang là một trong những cường quốc nắm vai trò then chốt trong hệ thống chính trị thế giới, vì thế Trung Quốc luôn có tham vọng to lớn là có thể thay thế Hoa Kỳ để trở mình thành trung tâm kinh tế thế giới trong tương lai. Hiện nay, Trung Quốc và Hoa Kỳ đang có mối quan hệ leo thang bởi những cạnh tranh (vd: cạnh tranh thương mại). Cùng với đó là uy tín đang giảm của nước này tại khu vực châu Á, nhưng quan trọng hơn đó chính là tình hình chính trị bên trong đất nước tỷ dân này.

Trong bối cảnh hiện tại, Trung Quốc đã đề ra một kế hoạch phát triển mang tính lâu dài, một kế hoạch đầu tư với "tầm nhìn" chắc chắn với mục tiêu là hiện thực hóa "giấc mộng Trung Hoa" để thúc đẩy tiềm năng thay thế Hoa Kỳ trở thành cường quốc đứng đầu thế giới cũng như giải quyết các vấn đề tồn đọng bên trong đất nước (về khía cạnh này nhóm nghiên cứu sẽ đề cập sâu hơn trong chương 3 của bài để làm rõ vấn đề nghiên cứu). Sáng kiến Vành đai và Con đường với ý tưởng sẽ mở ra con đường giao thương buôn bán đường bộ và một con đường giao thương hàng hải trên biển để kết nối các nước khu vực Á - Phi - Âu bằng các hình thức như "xây dựng các mạng lưới đường bộ, cầu, đường sắt, hải cảng, sân bay, năng lượng, và các dạng cơ sở hạ tầng khác" (Lê, 2020).

Bên cạnh đó, một trong những yếu tố cốt lõi của Sáng kiến BRI trong việc giao thương phát triển kinh tế đó chính là sáu hành lang kinh tế. Nó đóng vai trò như là "mạch máu" để BRI có thể vận hành trong việc lưu thông và giao thương vận chuyển hàng hóa với: (1) Hành lang kinh tế Trung Quốc-Mông Cổ-Nga (CMRIC), (2) Tuyến vận tải lục địa quốc tế Á-Âu mới (NELB), (3) Hành lang kinh tế Trung Á-Tây Á (CCWAEC), (4) Hành lang kinh tế bán đảo Đông Dương-Trung Quốc (CICPEC), (5)

Hành lang kinh tế Trung Quốc-Pakistan (CPEC), (6) Hành lang kinh tế Bangladesh - Trung Quốc - Ấn Độ-Myanmar (BCIMIC) (China SCIO, 2020).



Hình 1: Sáu hành lang kinh tế của Sáng kiến Vành đai và Con Đường

(Nguồn: china-trade-research.hktdc.com/business-news/article/The-Belt-and-RoadInitiative/The-Belt-and-Road-Initiative/obor/en/1/1X000000/1X0A36B7.htm)

Được gọi là một trong những tác nhân mang tính quyền lực để góp phần phát triển các kênh giao thương kết nối thương mại của BRI, sáu hành lang kinh tế này có vai trò định vị chiến lược phát triển kinh tế - cơ sở hạ tầng. Bởi vì tính chất rộng lớn của BRI, những khu vực khác nhau sẽ có những yếu tố, tính chất khác nhau. Và từ tính đa dạng đó luôn song hành với những khó khăn, sáu hành lang sẽ mang những nhiệm vụ, lĩnh vực để kết nối với nhau. Có thể khẳng định rằng, mục đích của sáu hành lang này đã tạo nên nhiều sự thuận lợi cho các bên: cải thiện mức sống, chi phí sinh hoạt của người dân và giúp các nước liên quan có điều kiện phát triển kinh tế - chính trị trong khu vực, và thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế cũng như thúc đẩy thị trường thương mại. Điều này đã cho thấy Trung Quốc muốn kết nối các vùng lãnh thổ lại với nhau kể cả đường bộ lẫn đường biển. Tất cả đều thể hiện cho khát vọng nỗ lực vươn mình, thể hiện tầm ảnh hưởng đến các nước trên thế giới. Trung Quốc muốn trở

thành một phần quan trọng trong hệ thống quốc tế. Tham vọng bá quyền được thể hiện rõ qua việc Trung Quốc đã đầu tư một số tiền khổng lồ vào Sáng kiến Vành đai và Con đường. Số tiền đầu tư 770 tỷ USD là con số mà Trung Quốc đã bỏ vào 138 nước tham gia BRI chỉ trong khoảng thời gian là 7 năm (2013- 2020) (Wang 2021).

Bảng 2: Tỷ trọng đầu tư BRI ở các khu vực

	2015	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**
Đông Á	30.37%	25.04%	29.94%	24.24%	26.80%
Tây Á	24.07%	23/48%	22.74%	14.55	21.36%
Châu Phi cận Sahara	23.13%	22.55%	20.31%	20.22%	21.96%
Ả Rập và Trung Đông	8.53%	16.54%	14.53%	18.64%	16.75%
Nam Mỹ	3.17%	4.22%	1.18%	12.97%	6.84%
Châu Âu	10.30%	6.59%	10.22%	7.18%	6.14%
Bắc Mỹ	0.43%	1.57%	1.07%	2.20%	0.15%

(Nguồn:IIGF Green BRI Center)

2.2. Vị trí của Sáng kiến Vành đai và Con đường trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc

Như một cách để thể hiện tầm quan trọng của Sáng kiến BRI trong chính sách đối ngoại, Sáng kiến này luôn là phương châm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Tập Cận Bình. Song song đó, Chủ tịch Tập Cận Bình cũng đã thể hiện sự tham vọng trong cách lãnh đạo của mình vào việc đem BRI gắn với "giấc mộng Trung Hoa" khi ông đã ủng hộ việc cho rằng "Sáng kiến Vành đai và Con đường là chính sách đối ngoại đặc trưng trong nhiệm kỳ của ông và là hiện thân chân thật cho "giấc mộng Trung Hoa" (Johnson 2015). Để hình thành một mạng lưới giao thương phát triển kinh tế và xây dựng con đường giao thương vận chuyển của mình.

Từ đây, ông đã đem tầm nhìn của mình để phát triển sang phạm vi toàn cầu. Nói cách khác, BRI đã giúp Trung Quốc tập trung mở rộng và hợp thức hóa quyền lực của mình trên toàn thế giới (vốn sẽ được phân tích sâu hơn trong chương 3). Vì là một dự án khổng lồ, nên để phát triển BRI đồng nghĩa với việc Trung Quốc cần đầu tư vào

rất nhiều lượng vốn để dự án này phát huy và đạt được mục tiêu trước đó đã đặt ra. Xét từ tình hình nội bộ Trung Quốc, quốc gia này hiện đang phải đối đầu với những khủng hoảng như dư thừa sản xuất. Từ đó, BRI được sinh ra như là biện pháp khắc phục khủng hoảng. Không những vậy, BRI còn là dự án đặt nặng vấn đề chính trị kinh tế mang nặng tư tưởng mới mẻ của Tập Cận Bình (Willy Lam 2016). Bên cạnh đó, BRI còn có được sự ủng hộ nhiệt tình từ các bộ đặc biệt là Bộ Ngoại giao khi Sáng kiến Vành đai và Con đường đóng vai trò cốt yếu trong các quyết định của hệ thống chính trị.

2.2. Sáng kiến Vành đai và Con đường và những thách thức

Dù chưa mang lại hiệu quả tức thì nhưng nếu xem xét ở góc độ xa hơn như thực hiện "giấc mộng Trung Hoa" còn gặp nhiều vấn đề. Theo báo SCMP (South China Morning Post), tổng nợ của Chính phủ Trung Quốc là 46.550 tỉ NDT (7.200 tỉ USD) vào cuối năm 2020, bao gồm 20.890 tỉ NDT do chính quyền Trung ương nợ và 25.660 tỉ NDT nợ của các chính quyền địa phương. Khối lượng nợ tương đương 45,8% GDP năm ngoái - dưới mức 60% GDP được các tổ chức quốc tế coi là ngưỡng cảnh báo về sự nguy hiểm (Nguyễn 2021). Không những vậy, số tiền nợ công của Trung Quốc đã chiếm hơn 15% toàn cầu chỉ trong năm 2019 (Thụy Miên 2019). Từ những số liệu trên cho thấy rằng Trung Quốc cũng có những vấn đề không nhỏ trong nền kinh tế của mình.

Nhìn chung, để tiến đến vị trí trung tâm kinh tế thế giới, Trung Quốc đang gặp nhiều phản đối gay gắt phía Mỹ cũng như đồng minh. Đánh giá một cách khách quan BRI vẫn đang đóng vai trò thiết yếu đối với Trung Quốc và các chính sách của Tập Cận Bình. Tất nhiên ta vẫn không thể biết được tương lai của BRI sẽ ra sao ở thời điểm hiện tại khi các chính sách của BRI đã và đang khiến Trung Quốc gặp những trở ngại nhất định, hơn hết là những ý kiến trái chiều đối với các dự án do Trung Quốc tiến hành.

2.3. Ảnh hưởng của Sáng kiến Vành đai và Con đường trong hệ thống quốc tế

Sáng kiến Vành đai và Con đường ra đời trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động địa chính trị và tạo ra thế xoay trục đáng kể trong cán cân thương mại toàn cầu. Giữa những chuyển biến quốc tế phức tạp, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP được cho ra đời với tư cách là một hiệp định thương mại tự do giữa 12 quốc gia với mục đích hội nhập nền kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương. Mục tiêu chính của TPP

là xóa bỏ các loại thuế, rào cản hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu giữa các thành viên (Ngọc Anh 2015). Dù vậy vào ngày đầu nhậm chức năm 2017, Tổng thống Mỹ D.Trump đã đưa ra quyết định rút khỏi Hiệp định TPP. Quyết định này có thể khiến Hoa Kỳ gặp nhiều bất cập trong việc giao thương vì những thủ tục pháp lý và chính trị phức tạp giữa các quốc gia. Không những thế, việc Mỹ rời TPP đối với Trung Quốc là thời điểm thích hợp để bành trướng nền kinh tế của mình ra trường quốc tế.

Không có vai trò dẫn đầu của Mỹ trong Hiệp định, thỏa thuận thương mại mới sẽ ít đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với Trung Quốc, cũng vì thế Trung Quốc lặng lẽ hoan nghênh quyết định của Mỹ rút khỏi TPP và thay đổi chính sách để nêu bật Sáng kiến của chính họ. Trong đó có BRI nhằm củng cố vị trí trung tâm của trật tự thương mại ở châu Á. Theo Peter Cai - nhà nghiên cứu tại Viện chính sách quốc tế Lowy nhận xét: "Trung Quốc chính là phương án thay thế cho Mỹ ở vai trò người thúc đẩy toàn cầu hóa. Thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường" để đưa ra cơ chế hợp tác rộng mở, nới lỏng các rào cản thương mại, kinh doanh, đầu tư xuyên biên giới, trái ngược với các cơ chế hợp tác khắt khe do Mỹ đang đóng vai trò chủ trì, Trung Quốc đã và đang mở rộng và phát triển quan hệ ngoại giao với nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á, tạo dựng thị trường hướng tâm về Trung Quốc để đẩy lùi sức ép cạnh tranh từ Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ.

2.4. Khái quát lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci

2.4.1 Khái niệm Bá quyền theo lăng kính của Antonio Gramsci trong quan hệ quốc tế

Thuật ngữ "bá quyền' (hegemony) được hiểu từ nhiều hàm ý khác nhau, tuy nhiên, thuật ngữ này xuất phát từ nghĩa gốc theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là "lãnh đạo" để nói về mối quan hệ giữa các thành bang thời Hy Lạp cổ đại (Gonzalez 2019, tr.32). Trong quan hệ quốc tế, bá quyền thường được hiểu nghĩa là sự lãnh đạo hay sự thống trị của một cường quốc với một nhóm quốc gia khác thường là ở trong khu vực (Gonzalez 2009, tr.32).

Hiện nay, trong quan hệ quốc tế có thể được hiểu khái niệm bá quyền nghĩa là sự thống trị. Trong một trật tự thế giới, tình trạng bá quyền có thể chiếm ưu thế dựa trên sự kết hợp chặt chẽ hoặc phù hợp giữa cấu hình quyền lực vật chất, hình ảnh tập thể phổ biến của trật tự thế giới và một tập hợp các thể chế quản lý trật tự với một số tính phổ quát (Cox 1981, tr.139). Một trật tự bá quyền mang tính ưu việt được biểu

hiện bởi những nguyên tắc thiết lập của một nhà nước mà ở đó giai cấp này thống trị giai cấp khác không chỉ là về vũ lực, mà còn duy trì sự trung thành của quần chúng thông qua những biện pháp "mềm" khác để tạo sự ủng hộ chặt chẽ từ các chủ thể khác trong một trật tự bá quyền (Gonzalez 2009, tr.34). Có thể thấy rằng, sự mở rộng định nghĩa về bá quyền đã chịu ảnh hưởng bởi nhà tư tưởng Mác-xít Antonio Gramsci được hình thành trong giai đoạn 1929-1935 qua tác phẩm "Prison Notebooks" trong việc nhấn mạnh tầm quan trọng của các lực lượng xã hội về mối quan hệ nhà nước và xã hội dân sự hiện đại để hình thành một trật tự bá quyền vững chắc. Có thể khẳng định rằng, trong lĩnh vực quan hệ quốc tế (IR)/kinh tế chính trị thế giới (IPE), lý thuyết bá quyền của Gramsci đã có những ảnh hưởng được thể hiện qua các phân tích của các nhà lý thuyết "tân Gramsci" (neo-Gramsci): Robert Cox, Kees Van der Pijl, Stephen Gill,...Điều này đã góp phần hình thành nên những nhận định áp dụng lý thuyết phê phán trong việc nhìn nhận và đánh giá các vấn đề hiện đại trong lĩnh vực quan hệ quốc tế nói riêng cũng như các ngành khoa học xã hội khác một cách sâu sắc và toàn diện.

Khác với các lý thuyết khác trong ngành Quan hệ quốc tế, đặc biệt là lý thuyết Chủ nghĩa hiện thực (Chủ nghĩa hiện thực đã bỏ qua phần lớn các yếu tố giai cấp xã hội quyết định quyền lực nhà nước, coi nhà nước là chủ thể duy lý trong việc quyết định (biểu hiện) lợi ích quốc gia), theo lý thuyết bá quyền của Gramsci để trở thành chủ thể bá quyền, các quốc gia hùng mạnh phải "trải qua cách mạng kinh tế - xã hội triệt để và đã áp dụng được những kết quả từ cuộc cách mạng này qua hình thức ... các quan hệ xã hội ngoại vi" với Liên Xô và Hoa Kỳ là những ví dụ điển hình. Hơn thế nữa, "sự phát triển trong nước ... lan ra khỏi biên giới để trở thành hiện tượng mang tính mở rộng thế giới". Nói cách khác, chủ thể bá quyền "truyền bá những hệ tư tưởng [bá quyền] đến các vùng ngoại vi" (Cox 1983, tr.59).

2.4.2. Khái niệm cách mạng thụ động và sự phát triển sản xuất mở rộng mô hình chính trị đến các nước ngoại vi

2.4.2.1. Cách mạng thụ động

Khía cạnh cách mạng thụ động là một trong những trọng tâm trong việc đánh giá về sự nhất quán và hòa nhập giữa các quốc gia ở trong hệ thống quốc tế. Thông qua những phân tích tình hình lịch sử châu Âu vào thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, đặc biệt là sự kiện thống nhất nước Ý (Risorgimento) vào những năm 1860. Gramsci đã đưa ra khái niệm "cách mạng thụ động" để nói về tiến trình thay đổi chưa triệt để trong các

cuộc cải cách xã hội và chuyển đổi cấu trúc thể chế chính trị. Trong đó tầng lớp tinh hoa "hiện đại hóa", nhưng các tầng lớp xã hội khác lại bị hạn chế phát triển (cải cách) và thất bại. Lý do đằng sau sự thất bại đó chính là quá trình phát sinh từ phản ánh của sự phát triển quốc tế truyền tải các trào lưu tư tưởng ra vùng ngoại vi từ các nước phát triển sản xuất tiên tiến hơn (Gramsci 1971, tr.116-117). Đây là yếu tố quan trọng để xem xét các cuộc cách mạng cải cách để xem sự thay đổi thụ động bên trong xã hội, cũng như mối liên kết giữa tầng lớp tinh hoa cầm quyền Đảng Cộng sản Trung Quốc và tầng lớp quần chúng (nhà nước - xã hội dân sự) để có những nhìn nhận trong việc chuyển đổi mô hình kinh tế chính trị kể từ năm 1978 được phân tích sâu ở chương 3.

2.4.2.2. Sự phát triển và mở rộng mô hình kinh tế xã hội đến các nước ngoại vi

Trong quá trình mở rộng, quan hệ giữa chủ thể bá quyền và các nước chịu ảnh hưởng bá quyền không phải là quan hệ bóc lột/khai thác thuần túy, nhưng chủ thể bá quyền đó phải có khả năng thiết lập và duy trì một trật tự phổ quát, vốn là cơ chế mà hầu hết các nước (hoặc ít nhất những nước chịu ảnh hưởng bá quyền) có thể nhận thấy sự "tương thích với lợi ích của mình" (Cox 1983, tr. 61). Sự tương thích này chính là sự đồng thuận đã nêu ở trên. Theo Gramsci, sự đồng thuận này chính là một nửa mang hình người, và trong quan hệ quốc tế, sự đồng thuận này chính là cơ chế đồng thuận được chính chủ thể bá quyền thiết lập và ủng hộ. Trong thực tế, "bá quyền thế giới được ... thể hiện qua những quy chuẩn, thể chế và cơ chế mang tính phổ quát vốn định hình những quy tắc chung cho các hành vi" (Cox 1983, tr.61).

2.4.3. Khía cạnh vận động chiến và vị thế chiến

Từ bài học của cách mạng Bolshevik cho việc làm cách mạng tại Tây Âu, cùng với nhận định kết luận rằng hoàn cảnh ở Tây Âu với Nga là hai hoàn cảnh khác nhau hoàn toàn. Để làm minh họa cho những khác biệt về hoàn cảnh cũng như khác biệt về chiến lược theo đó được đề ra, ông đã viện dẫn đến các thuật ngữ quân sự là vận động chiến (war of movement) và cuộc chiến vị thế (war of position) khi nói về việc lật đổ và thay thế trật tự bá quyền cũ vốn không còn cơ sở của sự ủng hộ liên kết rộng rãi và không vững chắc giữa nhà nước và xã hội dân sự thì một cơ chế bá quyền mới sẽ thay thế trật tự cũ (Cox 1983, tr.54). Tuy nhiên, việc thiết lập các cơ chế kháng bá quyền (counter-hegemonic mechanisms) trong lòng một cơ chế đã được thiết lập vững chắc dường như không phải là điều dễ dàng bởi vì "kháng cự lại áp lực và những cám dỗ để quay lại việc theo đuổi những lợi ích lớn dần" trong trật tự cũ mang tính thử thách rất

cao (Cox 1983, tr.53). Trong trường hợp đầu tiên, khi cơ chế cũ đã không còn hiện hữu, một cuộc vận động chiến được một chủ thể/tổ chức có tiềm năng trở thành chủ thể bá quyền dẫn dắt dễ dàng thiết lập và duy trì một trật tự bá quyền mới. Trong bối cảnh khác, khi trật tự hiện hữu vẫn được sự ủng hộ rộng rãi qua cơ chế đồng thuận với các giai cấp xã hội khác, một cuộc vị thế chiến là phương án tối ưu hơn để đạt được sự đồng thuận và ủng hộ để thiết lập trật tự bá quyền mới, đặc biệt bên trong xã hội dân sự (Cox 1983, tr.53). Sự thành công của việc thay thế trật tự bá quyền trong "cuộc chiến vị thế" phụ thuộc vào bản chất bá quyền của nhà nước, tức là vị trí của nhà nước được xã hội dân sự, các tầng lớp nhân dân ủng hộ và liên kết chặt chẽ (Colin 2018).

2.4.4. Khối lịch sử

Bên cạnh khía cạnh "cách mạng thụ động", một trong những khía cạnh quan trọng trong lý thuyết bá quyền của Gramsci khi nói về mối liên kết về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự trong việc thiết lập trật tự bá quyền đó chính là "khối lịch sử". Về cách tiếp cận khái niệm khối lịch sử được dựa trên bản chất của nhà nước theo mức độ phức tạp trong mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự. Có thể khẳng định rằng qua khía cạnh khối lịch sử phân tích bản chất quyền lực của nhà nước và sự gắn kết chặt chẽ với sức mạnh tổng thể giữa các trật tự kinh tế - xã hội, cũng như là được thúc đẩy bởi động lực xã hội (bao gồm lực lượng xã hội hùng mạnh, tầng lớp tinh hoa, chính trị, kinh tế để tạo nên việc định hình quyền lực chính trị, hoạt động xã hội dân sự, chính sách công, lực lượng xã hội và kháng cự bá quyền) (Ramesh 2021, tr.101) .

Một khối lịch sử có thể thay thế trật tự cũ nếu mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội dân sự cùng tạo nên một cấu trúc chắc chắn để tạo nên một trật tự bá quyền mới và mang tính ưu việt hơn. Từ đây, diễn giải một cách sâu hơn về một khối lịch sử là tập hợp các lực lượng xã hội kinh tế, lịch sử và chính trị được hội tụ để thiết lập một xã hội thống trị trong đó có tầng lớp tri thức được bao trùm bởi các ý tưởng, hệ tư tưởng, tư duy và văn hóa được tương tác và tạo ra sự thống nhất (Cox 1983, tr.56). Cùng với đó, theo Cox, khối lịch sử có vai trò quan trọng trong sự tác động lẫn nhau giữa hệ tư tưởng, thể chế và văn hóa về cấu trúc quá trình lịch sử và xã hội mà còn là định hình hệ thống kinh tế và chính trị tư bản trong việc tạo ra một trật tự thế giới (Ramesh 2021, tr.105).

2.4.5. Các cơ chế bá quyền: các tổ chức quốc tế

Không thể thiếu trong việc định hình trật tự bá quyền, các tổ chức quốc tế (thể chế quốc tế) đóng vai trò được thiết lập và duy trì nền bá quyền trong hệ thống quốc tế. Bởi (i) các tổ chức quốc tế là hiện thân của các quy tắc nhằm mở rộng trật tự bá quyền thế giới, (ii) bản thân các tổ chức quốc tế là sản phẩm của trật tự bá quyền thế giới, (iii) về mặt ý thức hệ, các tổ chức quốc tế hợp thức hóa các quy chuẩn của trật tự thế giới, (iv) các tổ chức này cũng thu hút tầng lớp tinh hoa từ các nước ngoại vi và (v) chúng cũng hấp thu các ý tưởng kháng cự bá quyền (Cox 1983, tr.72). Và dẫn đến việc định hình cấu trúc lịch sử và phương thức sản xuất. Cụ thể, vai trò của các tổ chức kinh tế trong việc đảm bảo sự phụ thuộc vào các nước Thế giới thứ ba bằng cách điều chỉnh các cơ cấu, làm các nước kém phát triển phải phụ thuộc vào kinh tế và rơi vào nợ nần, kiểm soát dân tộc, phe phái (Ramesh 2021, tr.106). Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế và bá quyền có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì các tổ chức quốc tế được thiết lập bởi giai cấp thống trị để thiết lập và duy trì quyền lực tư sản (Cox 1981, tr.71). Sau cùng, các thể chế quốc tế và các quy tắc được nhà nước có vai trò bá quyền tạo nên. Ít nhất, các quy tắc này phải được nhà nước bá quyền ủng hộ. Ở vị thế chi phối, một nhà nước nỗ lực để có được sự vâng phục của các nước khác dựa trên một hệ thống cấp bậc quyền lực nằm bên trong cấu trúc liên nhà nước của hệ thống bá quyền (Cox 1983, tr71).

2.5. Sáng kiến "Vành đai và Con đường" của Trung Quốc dưới lăng kính lý thuyết bá quyền của Gramsci

Sau khi Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình cải cách thay đổi mô hình phát triển kinh tế Trung Quốc sang hướng mở cửa hội nhập với nền kinh tế thị trường, điều này đã khiến Trung Quốc chuyển mình phát triển kinh tế và đạt những thành tựu. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, mô hình kinh tế mở nhấn mạnh vai trò của kinh tế thị trường đã làm cho Trung Quốc rơi vào tình trạng xói mòn vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc (Li và Zhu 2017, tr84). Vì vậy đã khiến cho Trung Quốc rơi vào cuộc khủng hoảng một lần nữa vì những sự bất bình đẳng, tham nhũng, chuẩn mực về tự do và quyền lao động, suy thoái môi trường, tình trạng lạm phát ngày càng gia tăng nhanh chóng. Điều này đã dần tạo nên cuộc khủng hoảng khi việc thay đổi mô hình mang tính hợp thức hóa chính trị của Trung Quốc trong việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế

xã hội chủ nghĩa thuần túy sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Jürgen 1991).

Sau cuộc khủng hoảng về tính hợp thức chính trị, cuộc khủng hoảng Thiên An Môn năm 1989 xảy ra bên trong nội bộ của Đảng và cũng xảy ra những cuộc biểu tình của người dân để đòi lại công bằng, cân bằng giữa hai khu vực "nông thôn" và "thành thị". Có thể khẳng định rằng, trong cuộc khủng hoảng thứ ba này Trung Quốc đã gần như làm sụp đổ bộ máy công quyền và các tầng lớp trong đất nước đều gặp bất ổn bởi những áp lực từ tầng lớp tinh hoa đè xuống (Phan và Lê 2016).

Trước những cuộc khủng hoảng ở trên, Đảng Cộng sản Trung Quốc hiểu rằng những cuộc khủng hoảng này là một điều kiện tất yếu để tổ chức lại xã hội, thiết lập một trật tự mới thay thế hoàn toàn cho trật tự cũ thông qua cuộc "cách mạng thụ động" và qua việc tổ chức lại xã hội và chính trị do lực lượng hoặc liên minh giai cấp hấp thụ những cái cũ để chuyển hóa thành mối quan hệ mới về giai cấp mới và thể chế mới (Li và Zhu 2017). Theo Cox, để trở thành một nước có ảnh hưởng sức mạnh (bá quyền) cần phải có những cải cách về phương thức sản xuất cũng như là tầng lớp trí thức và các mối quan hệ xã hội khác, đây là cơ sở để nhà nước trở thành bá quyền (Cox 1989, tr37). Nhờ đó, Trung Quốc một lần nữa được hồi sinh và việc cải cách tầng lớp tinh hoa chính trị của Trung Quốc được thay đổi để bước ra khỏi cuộc khủng hoảng trong sự đoàn kết tập trung quanh tầm nhìn của Đặng Tiểu Bình về một "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" và lấy lại tính chính danh trong mắt người dân thành thị qua việc thực hiện tầm nhìn đó. Đảng đã phục hồi sự thống nhất trên nền tảng của hội nhập toàn cầu, tăng trưởng theo định hướng thị trường, những thành tích đạt được mà không có sự can thiệp bởi "Nữ thần Dân chủ" (Nguyễn và Lê 2017).

Với mô hình tư bản chủ nghĩa Trung Quốc, đây là thuật ngữ được sử dụng đối các nền kinh tế chính trị Trung Quốc ở nước ngoài, đặc biệt là ở khu vực Đông Nam Á (Koon 1997, Andreas 2017). Khác với các mô hình tư bản chủ nghĩa của Anh Quốc, Hoa Kỳ, mô hình tư bản của Trung Quốc mang cấu trúc theo khuynh hướng từ trên xuống và một mạng lưới kinh tế với sự tích lũy vốn tư nhân của doanh nghiệp từ dưới lên đã dẫn đến những đan xen về động lực và mâu thuẫn của mô hình tư bản này (McNally 2012, tr.33). Tuy nhiên, Bắc Kinh đã xây dựng thành công mô hình kinh tế-xã hội của riêng mình. Theo như Ian Bremmer lập luận, Trung Quốc đang tạo ra một số hình thức tư bản nhà nước, trong đó nhà nước kiểm soát kinh tế dưới hình thức

quốc doanh do nhà nước bảo trợ. Qua đây, hình thức chủ nghĩa tư bản Trung Quốc không tương thích với mô hình kinh tế chính trị, thị trường hiện nay do Hoa Kỳ thiết lập (McNally 2012, tr.42). Điều này đã gây nên nhiều mâu thuẫn trái ngược và thách thức đến mô hình chủ nghĩa tư bản của Anh, Mỹ vốn đã có những bức phá vượt trội trong phát triển tích lũy vốn và phát triển khoa học công nghệ. Có thể khẳng định rằng, với sự nổi lên của chủ nghĩa tư bản mới nổi của Trung Quốc cũng đã phần nào làm gián đoạn và tác động đến trật tự bá quyền Washington do Hoa Kỳ thiết lập.

Với sự hình thành trật tự bá quyền thông qua vai trò của mô hình chủ nghĩa tư bản thuần túy và tích lũy tư bản của các nước như Hoa Kỳ, Anh Quốc (bảng 3) so với sự hình thành mô hình tư bản của Trung Quốc khi mô hình này có những sự khác biệt về quá trình tích lũy vốn khi xây dựng cơ chế bá quyền mới (phụ thuộc vào nguồn vốn của DNTN, các nguồn hỗ trợ đầu tư hợp tác nước ngoài, FDI,...) vốn sẽ được phân tích sâu hơn ở chương 3.

Bảng 3: Sự hình thành bá quyền và những nguồn lực có liên quan

Giai đoạn	**Quốc gia**	**Nguồn lực chính yếu**
Thế kỷ 16	Tây Ban Nha	Vàng thỏi, thương mại thuộc địa, các đạo quân đánh thuê, các mối quan hệ giữa các vương triều.
Thế kỷ 17	Hà Lan	Thương mại, thị trường tư bản, hải quân.
Thế kỷ 18	Pháp	Dân số, công nghiệp nông thôn, nền quản lý công, quân đội, văn hóa (sức mạnh mềm)
Thế kỷ 19	Anh	Công nghiệp, sự gắn kết về chính trị, tài chính và tín dụng, hải quân, các quy chuẩn tự do (sức mạnh mềm), vị trí địa lý (dễ phòng thủ)
Thế kỷ 20	Hoa Kỳ	Quy mô nền kinh tế, vị thế dẫn đầu về khoa học-kỹ thuật, vị trí địa lý, các lực lượng và liên minh quân sự, nền văn hóa phổ quát và các thể chế tự do quốc tế (sức mạnh mềm)
Thế kỷ 21	Hoa Kỳ	Vị thế dẫn đầu về công nghệ, quy mô quân sự và kinh tế, vị thế dẫn đầu về, trung tâm viễn thông của quốc tế.

Theo nội dung của bảng, rõ ràng kinh tế và địa chính trị đóng vai trò cốt yếu trong việc thiết lập nên các cơ chế bá quyền trong lịch sử, ít nhất là ở phương Tây. Tuy nhiên, với ba cơ chế bá quyền gần đây nhất, những sự đổi mới về kinh tế/công nghệ luôn có vai trò trọng yếu. Nói cách khác, một chủ thể bá quyền phải mang đến những nguồn lực có tính đổi mới và có ích lợi để xây dựng hệ thống bá quyền của riêng mình và nhằm đảm bảo phần còn lại của hệ thống thế giới tuân phục sự chi phối của mình.

Với cùng cách đặt vấn đề cho Trung Quốc trong sự trỗi dậy của nước này hiện nay, câu hỏi được nêu ra là (những) giá trị gì và/hoặc đóng góp mang tính đổi mới xứng tầm bá quyền mà Bắc Kinh đã có thể mang lại cho nhân loại qua việc mở rộng ra bên ngoài lãnh thổ. Câu trả lời vẫn chưa rõ ràng cho đến nay ngoại trừ sự tích lũy vốn nêu trên và sản xuất hàng hóa giá rẻ để xuất khẩu. Tương tự, về bản chất BRI cũng là một công cụ quan trọng, dù không mang tính đổi mới cao, để phục vụ cho mục đích dịch chuyển không gian (spatial fix) mà Trung Quốc sử dụng để duy trì nhịp tăng trưởng và giải quyết một số mối đe dọa đối với sự tồn vong của nước này, mà nan đề Malacca là một trong những vấn đề khó nhất (Mobley 2019, tr.55; Carmody 2021, tr.5). Olinga-Shannon và một số tác giả thậm chí còn đi xa hơn khi khẳng định BRI, với tư cách là chiến lược mới nhất để duy trì tăng trưởng, là một "cơ chế tổng hợp ... để giải quyết khủng hoảng trong chủ nghĩa tư bản Trung Hoa" và ngăn ngừa những bất ổn xã hội lan rộng đến mức gây mất ổn định chính trị (Olinga-Shannon 2019, tr.3). Do đó, Bắc Kinh thực chất chưa trải qua một cuộc cách mạng kinh tế xã hội thật sự triệt để để tạo nên cảm hứng ở phạm vi quốc tế (ngoại trừ quá trình hiện đại hóa nhanh chóng của nước này do đầu tư nhiều, quy mô lớn về hạ tầng với chất lượng chưa cao).

Nếu không có sự phân tích về khía cạnh quan hệ xã hội, phân tích bất kỳ về mức độ triệt để trong kinh tế-xã hội sẽ mất đi ý nghĩa vì bá quyền quốc tế khởi đầu thông qua một giai cấp bá quyền trong nước. Sáng kiến Vành đai và Con đường cũng phản ánh các "quan hệ xã hội xung quanh nền sản xuất" ở Trung Quốc (Gonzalez-Vicente 2019, tr.491-492). Sau khi CHND Trung Hoa được thành lập, tầng lớp tinh hoa mới cũng được thiết lập từ Đảng Cộng sản Trung Quốc thay thế cho tầng lớp tư bản của Quốc Dân đảng dưới trật tự kinh tế-xã hội cũ. Trật tự xã hội mới được định hình thông qua việc quốc hữu hóa đất đai, kế hoạch hóa từ trung ương, sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà nước và xã hội dân sự ... vốn mang tính đặc trưng của chủ nghĩa Mác Lê-

nin. Cách tổ chức như vậy đã thiết lập cấu trúc cũng như kiến trúc thượng tầng cho cơ chế bá quyền mới ở Trung Quốc và Khối Lịch sử đi kèm (Gore 2010, tr.63-65).

Mô hình này đã giúp Trung Quốc đạt được một mức độ thành công nhất định và sự giàu có cho hàng trăm triệu người. Đây là điều mà Chủ tịch Tập Cận Bình tự mình xúc tiến và quảng bá dưới cụm từ Giấc mộng Trung Hoa, một quy chuẩn phổ quát cho phép không những mỗi cá nhân ở đất nước này đạt được những lý tưởng và khát vọng của mình mà còn cả nước tiếp tục thịnh vượng (Callahan 2017, tr.248-270). Tuy vậy, từ các đánh giá, phân tích về việc cải cách trong thời kỳ của Đặng Tiểu Bình theo khuynh hướng mở cửa, thay áo mới cho mô hình kinh tế - xã hội của Trung Quốc (mang tính chất tư bản chủ nghĩa mới nổi). Mặc dù Trung Quốc đã đạt thành tựu nhất định, nhưng đó không phải là tất cả, Trung Quốc vẫn còn phải đối mặt với một loạt các vấn đề về việc tích lũy tư bản, hay dư thừa sản xuất gia công.

Tình hình này đã dẫn đến tình trạng thất nghiệp tương đối nhiều cũng như sự bất ổn định xã hội. Sáng kiến Vành đai và Con đường được đề xuất không những để giải quyết những vấn đề này mà còn gắn với những "cải cách kinh tế do Phiên họp lần 3 của Đại hội Đảng lần thứ 18 đề ra". Thông qua BRI, Bắc Kinh đã và đang mang "ý thức hệ hạ tầng" của mình và Giấc mộng Trung Hoa với tư cách là những quy chuẩn mới và tạo ra cảm hứng sang các thị trường khác ngoài nước (Yu 2018, tr.225; Gonzalez-Vicente 2019, tr.490,493-494). Quan hệ xã hội của các tầng lớp tại Trung Quốc cũng được phản ánh qua những phương thức mà BRI được triển khai, tức là sự kết nối của tầng lớp tinh hoa ở Trung Quốc với những nước tham gia BRI, và sẽ được phân tích về sau trong bài viết.

Thứ hai, sự phát triển ra bên ngoài của BRI để vươn đến các thị trường mới như được nêu trên với những khoản đầu tư vô tiền khoán hậu nhưng lại đạt được những mức độ hiệu quả đáng ngờ. Là láng giềng của Trung Quốc, Pakistan và Bangladesh là những nước nhận vốn nhiều nhất trong Sáng kiến với tổng vốn đầu tư khoảng 103 tỷ USD để nâng cấp hạ tầng quốc gia và đồng thời cũng là hai tuyến chính để vươn ra ngoài trong Sáng kiến, đó là Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Pakistan và Hành lang Bangladesh – Trung Quốc - Myanmar. Tuy nhiên, tình hình ở Pakistan lại phản ánh đặc điểm phổ biến trong các dự án hạ tầng ở Trung Quốc, hạ tầng và các tập quán quản lý dự án chất lượng chưa cao. Một báo cáo từ Hội đồng Quan hệ Quốc tế (Council of International Relations) cho biết các dự án BRI, từ các nhà máy nhiệt điện

vận hành bằng than cho đến "tuyến đường sắt từ Peshawar đến Karachi, hai nhà máy thủy điện ở vùng Kashmir đang tranh chấp, hệ thống tàu điện ngầm ở Lahore, sự thiết lập nhiều khu kinh tế đặc biệt (SEZ), và các tuyến cáp quang của Huawei" có vốn được cam kết ở mức 62 tỷ USD, gặp nhiều vấn đề về "tiến độ chậm chạp, tham nhũng". Cảng Gwadar, viên ngọc trong niềm hy vọng về năng lượng của Bắc Kinh và là niềm tự hào một thời của Pakistan và hệ thống tàu điện ngầm Lahore đều không có tính chất bền vững về kinh tế (Sacks 2021). Tình trạng mất tính bền vững của Pakistan đạt đến đỉnh điểm khi Islamabad phải cầu cứu IMF để được cấp khoản cứu trợ khẩn cấp trị giá 6,3 tỷ USD (IMF 2019) để đương đầu với tình trạng khủng hoảng cán cân thanh toán của nước này.

Với Bangladesh, bức tranh tổng quát Sáng sủa hơn, nhưng không phải gắn với hoặc vì BRI nhưng xuất phát từ động thái thông minh của chính phủ nước này trong việc tìm được nguồn vốn từ Nhật cho những nhu cầu về hạ tầng của Dhaka. Một trong những ví dụ cụ thể là Dhaka chọn cảng biển nước sâu Matarbari do Tokyo đề xuất và tài trợ thay vì cảng do Trung Quốc thực hiện tại Sonadia, chỉ cách đó 25 km. Trái ngược với trải nghiệm tồi tệ của Islamabad về mặt minh bạch với các khoản đầu tư từ Bắc Kinh, Bangladesh lại phải chịu đựng sự giải ngân chậm trễ cho các dự án và việc Trung Quốc càng dính dáng đến các vị trí chiến lược tại nước này luôn bị bác bỏ trên cơ sở các mối quan ngại đối với và từ phía Ấn Độ (Ramachandran 2019). Điều này để khẳng định rằng các dự án trong BRI phần lớn không có ý nghĩa tích cực cho quốc gia bên nhận, mà giải ngân chậm và tham nhũng là hai yếu tố vô cùng nổi bật. Câu chuyện thật sự là "nếu Sri Lanka và Pakistan trở thành những ví dụ điển hình về cách mà BRI kéo nhiều quốc gia vào bẫy nợ", thì Dhaka "phần lớn tránh được những cạm bẫy từ Sáng kiến của Trung Quốc" (Ramachandran 2019).

Ở châu Phi, hơn sáu mươi nước đã chọn BRI để phục vụ cho nhu cầu hạ tầng của mình với khoảng ba mươi sáu nước có dự án đang tiến hành, và đến năm 2021, một cuộc khủng hoảng nợ tiềm tàng đang đe dọa lục địa này. Như được chứng minh sau đây, một số khoản vay dưới chuẩn và bí mật do Trung Quốc cung cấp trong BRI (Gelpern 2021) thực sự là giọt nước tràn ly đối với nền tài chính vốn đã có nhiều vấn đề của một số quốc gia tham gia Sáng kiến. Tại Kenya, 90% của dự án đường sắt khổ tiêu chuẩn Mombasa–Nairobi trị giá 3.6 tỷ USD dài 485km do Trung Quốc cung cấp tín dụng, dẫn đến khoản vay của nước này từ Bắc Kinh tăng từ 756 triệu USD (2013)

lên 6,47 tỷ USD (2019). Đáng tiếc, dự án đã thất bại nghiêm trọng về mặt kinh tế, cụ thể chính phủ Kenya cũng không thu được khoản lợi nhuận nào từ việc khai thác tuyến đường hay trả nợ gốc của khoản vay cho Trung Quốc. Tệ hơn nữa, đến cuối năm 2020, dự án đường sắt có khả năng đình trệ vĩnh viễn do khoản lỗ vận hành hơn 200 triệu USD, khoản phí vận hành hơn 30 triệu USD chưa thanh toán được cho nhà vận hành Trung Quốc. Vấn đề có thể nghiêm trọng hơn nữa khi Bắc Kinh có khả năng từ chối cấp khoản vay tiếp theo để kéo dài dự án đến Naivasha và biên giới Uganda, điều có thể khiến tuyến đường sắt Mombasa–Nairobi hiện hữu dừng lại giữa chừng (Carmody 2021, tr.11). Rõ ràng, những cơ sở luận chứng về kinh tế không đủ để lý giải cho việc triển khai dự án và các quy chuẩn của phía Trung Quốc không dẫn đến kết quả tích cực trong trường hợp này. Ngoài ra, Djibouti là một trường hợp điển hình khác về cách đầu tư đầy vấn đề trong BRI với khoản vay nợ từ Trung Quốc chiếm đa số trong nghĩa vụ trả nợ của nước này. Quốc gia châu Phi tí hon này có nền kinh tế chỉ khoảng 3,325 tỷ USD và nợ nước ngoài chiếm đến 104% GDP nước này (2019), và đến 2021, hơn 70% nợ nước ngoài của nước này đến từ Trung Quốc (Chaziza 2021).

Trong nước, có nhiều bằng chứng cho thấy hầu hết các khoản đầu tư của CHND Trung Hoa chủ yếu nhắm đến quê hương của các nhà lãnh đạo Djibouti, những người có thể thúc đẩy việc phê duyệt những dự án có chất lượng không cao và đồng thời cũng có cơ hội chiến thắng cao hơn ở những cuộc bầu cử thông qua bỏ phiếu (Dreher 2019, tr.44). Bên cạnh đó, mối quan ngại thường được nhắc đến tại nước này chính là bẫy nợ từ các dự án BRI. Bắc Kinh tài trợ hoặc đồng tài trợ dự án cảng đa chức năng Doraleh trị giá 590 triệu USD (chủ yếu do Bắc Kinh kiểm soát và phục vụ cho tàu Trung Quốc), Khu Thương mại Tự do Djibouti Quốc tế trị giá 3,5 tỷ USD, khoản vay 492 triệu USD cho hệ thống đường sắt, và khoản vay khác trị giá 322 triệu USD dành cho dự án cấp nước kết nối Djibouti với nước láng giềng Ethiopia (Alam 2020, tr.280). Vấn đề nghiêm trọng đối với các dự án nêu trên chính là rủi ro đánh mất những hạ tầng chiến lược trong trường hợp không trả được nợ, và việc Trung Quốc kiểm soát những khu vực chiến lược trên nguyên tắc hoán đổi nợ thành cổ phần. Và đây không phải là điều phỏng đoán hay viễn cảnh tương lai. Đến tháng 4 năm 2020, chính phủ Djibouti đã cạn kiệt tiền mặt, và tình hình tài chính của quốc gia này trầm trọng đến mức Ngân hàng Thế giới phải cấp khoản tín dụng khẩn cấp trị giá 5 triệu USD để Djibouti đương đầu với đại dịch (Tobita 2020). Đến cuối tháng 7 năm 2021,

với tỷ lệ nợ trên GDP quá cao, các nhà lãnh đạo quốc gia châu Phi này cũng không có một giải pháp đủ khả thi để đương đầu với tình trạng nhập khẩu điện và nước bị đình trệ từ Ethiopia (Ahmed 2021). Rõ ràng, việc mở rộng quốc tế của cơ chế Đồng thuận Bắc Kinh đến quốc gia vùng Sừng châu Phi này không dẫn đến kết quả tích cực.

Thứ ba, Bắc Kinh đã thực sự tạo nên một cơ chế đồng thuận với BRI và AIIB là những thể chế quốc tế cho các quốc gia khác có thể nhận thấy tính chất phổ quát và dung hòa lợi ích của mình trong đó". Đây cũng là cách Trung Quốc đang phát động cuộc chiến vị thế (war of position) để thiết lập bá quyền (Cox 1983, tr.61,53). Với sự trỗi dậy và sức mạnh kinh tế ngày càng hùng mạnh của mình, Bắc Kinh có thể đã tạo dựng thành công cơ chế đồng thuận về kinh tế-xã hội của riêng mình kể từ thời điểm Đặng Tiểu Bình làm lãnh đạo Trung Quốc. Cơ chế này có đặc trưng là sự can thiệp mạnh mẽ và sâu rộng của nhà nước để định hướng nền kinh tế theo hướng đổi mới, các mục tiêu linh động thay vì chỉ tăng trưởng GDP trên đầu người và, không kém phần quan trọng, sự tự chủ của mỗi nước để chống lại áp lực từ bên ngoài. Dưới cơ chế này, BRI và AIIB đóng vai trò vô cùng quan trọng (Yagci 2018; Yu 2019; Vangeli 2019; Huang 2010).

Đối với nền quản trị toàn cầu gồm những thể chế khác nhau do Washington thiết lập và duy trì, BRI và AIIB đóng vai trò là những nhân tố đổi mới hệ thống từ bên ngoài thay vì duy trì hiện trạng (status-quo) hay tìm kiếm vai trò lãnh đạo (Ly 2020, tr.7). Hiện tại, mức độ triển vọng thành công mà các nhân tố này tạo ra trong việc đổi mới hệ thống của phương tây hoặc vận động được các nước khác chống lại hệ thống này vẫn chưa có sự phân định rõ ràng. BRI nói riêng và cơ chế đồng thuận Bắc Kinh nói chung dường như phù hợp hơn với các nước đang phát triển so với cơ chế của Washington. Để củng cố sự vươn tầm ra toàn cầu của mình, Trung Quốc đã tạo nên AIIB để làm cơ chế tài trợ cho các dự án BRI cùng với một số cơ chế khác và cũng là đối trọng quan trọng đối với các thể chế do Hoa Kỳ kiểm soát trong việc tiếp cận các nước vốn không thể dung hòa được lợi ích của mình dưới cơ chế hiện tại của Washington. Tuy nhiên, bên dưới những thuận lợi ban đầu của cơ chế Đồng thuận Bắc Kinh, có những vấn đề có liên quan tồn tại, khiến cho việc phân tích đầy đủ cuộc chiến vị thế của Trung Quốc khó có khả năng thực hiện được. Trước tiên, về mặt bản chất và vận động, cả hai cơ chế gần như giao nhau (Huang 2010).

Cụ thể, tác giả Yao tranh luận rằng trong ba thập niên gần đây "nền kinh tế Trung Quốc đã tịnh tiến về phía các học thuyết thị trường của kinh tế học tân cổ điển như được John Williamson tóm tắt khi hình thành nên cơ chế Đồng thuận Washington. Các nhân tố này là: chính sách tài khóa hợp lý, mở cửa nền kinh tế, tư nhân hóa, tự do hóa thị trường, và sự bảo vệ tài sản tư nhân". Ông khẳng định thêm rằng "nếu có một cơ chế Đồng thuận Bắc Kinh thì đó là cách Trung Quốc định hình các cải cách thể chế và chính sách của mình để cơ chế Đồng thuận Washington có thể phù hợp với bối cảnh trong nước" (Yao 2011, tr.28).

Một khía cạnh quan trọng không kém khác chính là trong khi cơ chế Đồng thuận Bắc Kinh được đề cao trong việc thúc đẩy và tôn trọng chủ quyền quốc gia và tự chủ của các nước khác, Trung Quốc thực chất đã bẻ cong "ý muốn của một số nước theo ý mình" thông qua "ngoại giao bẫy nợ" với các dự án BRI mà Cảng Hambantota (Sri Lanka) và Campuchia đóng vai trò là thành viên ASEAN "phản bội" là những ví dụ rất điển hình (Mobley 2019, tr.57). Thực vậy, trong khía cạnh này, hai nhân tố cưỡng chế và đồng thuận đã có sự đan xen phức tạp với nhau. Như được nêu ở trên, một chủ thể có tiềm năng trở thành bá quyền phải phát động cuộc chiến vị thế để thiết lập một trật tự bá quyền mới để thách thức trật tự hiện hữu. Phần phân tích ở trên đơn thuần cho thấy Trung Quốc vẫn chưa có được một cơ chế đồng thuận thực sự hay xây dựng được một trật tự bá quyền hữu dụng của riêng mình, do đó việc tiếp tục đánh giá theo tiêu chí này là không hợp lý.

Sau cùng, viễn cảnh về một Khối Lịch sử để Bắc Kinh thiết lập bá quyền cũng là một khía cạnh cần được bàn đến để đánh giá đúng mức triển vọng bá quyền của nước này. Điều này xuất phát từ thực tế là việc phân tích về triển vọng bá quyền của Trung Quốc được đặt trên nền tảng một cấu trúc bá quyền mới xuất hiện và thách thức cái hiện hữu. Tuy nhiên, đây không phải là điều giới học giả nhận định trong trường hợp của CHND Trung Hoa. Trong khía cạnh này, Garlick đưa ra nhận định rằng "liệu Trung Quốc có tìm cách thay thế hay đưa ra sự thay thế cho trật tự do Hoa Kỳ dẫn đầu là điều không rõ ràng ... Cũng không chắc chắn về việc Trung Quốc có đang nhắm đến việc thay thế Hoa Kỳ, ít nhất là trong tương lai gần. Vì vậy vấn đề liệu BRI có mang tính chất kháng bá quyền hay không còn nhiều tranh luận" (Garlick 2019, tr.46). Trên thực tế, việc chính phủ của Chủ tịch Tập Cận Bình và các nhà lãnh đạo nối tiếp thách thức bá quyền Hoa Kỳ về kinh tế là điều không phù hợp, đặc biệt khi những viễn cảnh

tăng trưởng về trung và dài hạn của nước này gắn chặt với sự hội nhập sâu hơn nữa của chính nền kinh tế quốc gia vào thị trường toàn cầu (World Bank 2013, tr.6; De Graaff 2020, tr.193). Giữa hai thái cực (i) tách khỏi trật tự tân tự do hiện tại và mở lối đi riêng về kinh tế xã hội với khả năng lập lại những thất bại của thời kỳ Mao Trạch Đông, và (ii) là một bộ phận không thể tách rời của trật tự hiện tại để hội nhập sâu rộng hơn nữa để đảm bảo tăng trưởng với giá phải trả là tiếp tục chịu ảnh hưởng bá quyền từ Washington, Trung Quốc chọn con đường thứ ba, là sự kết hợp giữa một mặt là việc ủng hộ và củng cố trật tự và các thể chế hiện tại và mặt khác là đồng thời thách thức các thể chế đó (De Graaff 2020). Nhận thức này hoàn toàn phù hợp với chính sách đối ngoại vừa mang tính phù thịnh (bandwagoing) vừa mang tính cân bằng cứng (hard-balancing) mà nước này sử dụng đối với Hoa Kỳ và tư duy xây dựng vị thế quốc tế của đất nước phù hợp với nguồn lực hiện hữu (Campbell 2016, tr.432). Tuy nhiên, điều này cũng không có nghĩa là Bắc Kinh hoàn toàn không có nỗ lực hay thành công trong việc xây dựng liên minh quốc tế để phục vụ cho lợi ích của mình.

2.6. Tiểu kết chương 2

Qua những đánh giá khái quát về Sáng kiến Vành đai và Con đường, có thể khẳng định rằng, về bản chất Sáng kiến này như là một công cụ quan trọng để phục vụ mục đích dịch chuyển không gian để giải quyết những vấn đề tồn động trong mô hình kinh tế của Trung Quốc điển hình như tình trạng dư thừa sản xuất, lao động giá rẻ,... Bên cạnh đó BRI đã phán ảnh được mối quan hệ sản xuất của mô hình trật tự mới do tầng lớp tinh hoa của Đảng Cộng sản Trung Quốc thiết lập thông qua việc quốc hữu hóa đất đai, kế hoạch hóa từ Trung ương, sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà nước và xã hội dân sự vốn mang tính đặc trưng của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Do vậy, mô hình này đã giúp Trung Quốc đạt được một mức độ thành công nhất định và sự giàu có cho người dân, đặc biệt là với việc thực hiện hóa "giấc mộng Trung Hoa" của Chủ tịch Tập Cận Bình.

Bên cạnh đó, Bắc Kinh đã thực sự tạo nên một cơ chế đồng thuận thông qua BRI và AIIB là những thể chế quốc tế cho các quốc gia khác có thể nhận thấy tính chất phổ quát và dung hòa lợi ích của mình trong đó Tuy vậy, sự phát triển từ trong ra ngoài của BRI để vươn ra các thị trường mới mang lại những hiệu quả đáng ngờ đối với các nước tham gia BRI. Không chỉ vậy, về khía cạnh khối lịch sử trong việc đánh

giá sự thay thế một trật tự bá quyền mới đối trọng với trật tự bá quyền do Hoa Kỳ lãnh đạo là điều không phù hợp với bối cảnh hiện nay.

CHƯƠNG 3 NHẬN ĐỊNH "NGOẠI GIAO BẪY NỢ" QUA KHÍA CẠNH CÁCH MẠNG THỤ ĐỘNG VÀ MÔ HÌNH CẤU TRÚC LỊCH SỬ CỦA GRAMSCI

3.1. Khái niệm "Ngoại giao bẫy nợ"

Là một trong những khái niệm đang gây tranh luận trong quan hệ quốc tế, "ngoại giao bẫy nợ" (debt-trap diplomacy) được tiến sĩ người Ấn Độ Brahma Chellaney đưa ra năm 2017 khi có nhận định rằng "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc là một công cụ kinh tế để thúc đẩy các lợi ích chiến lược thông qua việc mở rộng các khoản vay khổng lồ cho các nước tham gia BRI. Từ đây đã dẫn đến hệ quả là các nước vay vốn không thể hoàn trả các khoản vay và trở thành gánh nợ của Trung Quốc. Điều này giúp cho Trung Quốc có thể thao túng, can dự ảnh hưởng sức mạnh vào các nước BRI (Brahma 2017). Bên cạnh đó, cũng dựa vào lăng kính lý thuyết chủ nghĩa hiện thực đối với khái niệm "ngoại giao bẫy nợ". Với những nhận định dựa trên những cơ sở mang tính phân bổ về quyền lực vật chất, khả năng về kinh tế, quân sự hay diễn ngôn chính trị để giải thích các hành vi của chủ thể quốc tế (Jackson và Sorensen 2013, tr.209) để chỉ ra tầm quan trọng của quyền lực. Theo như Morgenthau đã giải thích cho sự hình thành cán cân quyền lực cũng như là quyền lực đang thay đổi thế nào đến các mô hình liên kết và xung đột trong chính trị thế giới (Keohane 1986, tr.15). Không chỉ vậy, về cốt lõi của lý thuyết Chủ nghĩa hiện thực là một lý thuyết mang màu sắc của Chủ nghĩa duy lý trong việc tiếp cận các vấn đề quốc tế, vì lý thuyết này nhấn mạnh đề các lựa chọn được hình thành dựa trên sự nhận thức của chủ thể và giúp

cho chúng ta dự đoán được các kết quả nhất định theo các điều kiện cụ thể và bối cảnh mà những lựa chọn và các quyết định được thực hiện (Steans, Pettiford, Diez & El-Anis 2010, tr.238). Đặc biệt trong vấn đề về việc mở rộng phạm vi tiếp cận ảnh hưởng quyền lực để phát huy sự thống trị của nhà nước bằng cách tăng cường sức mạnh cá nhân, và tối ưu hóa vai trò của các tổ chức (thể chế quốc tế) về việc phân bổ quyền lực trong bối cảnh hiện nay (Lebow 2011). Cụ thể, việc này đã được thể hiện rõ qua sự kiện trỗi dậy quyền lực của Trung Quốc hiện nay trong hệ thống chính trị quốc tế qua Sáng kiến Vành Đai và Con đường khi thiết lập các trọng điểm tại phía Nam và Trung ở châu Á vì những khu vực này mang lại cho Trung Quốc các lợi thế về địa chính trị, và Trung Quốc chắc chắn sẽ thiết lập những điểm mấu chốt bằng các cách tiếp cận dài hạn thông qua các khoản nợ không thể hoàn trả cho những nước trong BRI (Bramaah 2017). Tuy vậy, dưới lăng kính lý thuyết Chủ nghĩa hiện thực vẫn chưa giải thích thỏa đáng khi nói về việc bành trường quyền lực của Trung Quốc về các hàm ý của mình trong chính Sáng kiến này khi thực hiện việc thúc đẩy mở rộng các nguồn vốn cho các nước tham gia BRI nhận vay. Vì lý thuyết Chủ nghĩa hiện thực là một trong những lý thuyết nằm trong nhóm lý thuyết giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, lý thuyết giải quyết vấn đề lại mang tính chất "là một hướng diễn giải của các hành động, chiến thuật và kế hoạch duy trì hiện có" (Cox và Sainclair 1996, tr.90), và diễn ra trong một khuôn khổ giới hạn (Moolakkattu 2009)

Cụ thể, lý thuyết Chủ nghĩa hiện thực vẫn chưa thể lý giải được vì một số lý do sau đây: kể từ khi khái niệm bẫy nợ được đặt ra lần đầu tiên vào năm 2017, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng Trung Quốc không cố gắng chiếm lấy cơ sở hạ tầng chiến lược làm tê liệt các nước nghèo bằng các khoản vay không bền vững (ii) tình trạng các nước rơi vào bẫy nợ của Trung Quốc là một phần tác động và can thiệp đến vấn đề bẫy nợ, khi xem xét ngược lại của nước BRI là các nước đang phát triển, vẫn chưa có nhiều kinh nghiệm và đủ trình độ đánh giá dự án (iii) tiếp đến là việc các nước phương Tây đặc biệt là Hoa Kỳ thổi phồng các cuộc đàm phán lại đối với các khoản nợ của Trung Quốc đối với các nước vượt quá mức nợ bền vững, thậm chí là vỡ nợ. Tính đến thời điểm từ năm 2000 đến năm 2017 đã có hơn 80 trường hợp được xóa nợ (The Economist 2019).

Vì vậy để làm rõ khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" một cách sâu sắc và toàn diện hơn, nhóm nghiên cứu sẽ áp dụng lý thuyết bá quyền của Gramsci. Khi lý thuyết này

dựa trên cơ sở tính chất của chủ nghĩa lịch sử. Vì theo Gramsci, một khái niệm phải có tính dễ vận dụng (loose and elastic) và đạt được sự chính xác chỉ khi được đặt vào một hoàn cảnh cụ thể để làm công cụ lý giải – đây cũng là sự tiếp xúc để phát triển ý nghĩa của bản thân khái niệm, và cũng là ưu điểm của chủ nghĩa lịch sử của Gramsci và điều này nằm ở sức giải thích của nó. Tuy nhiên, thuật ngữ "chủ nghĩa lịch sử" lại thường xuyên bị hiểu nhầm và phê phán từ những người đi tìm một loại tri thức trừu tượng, hệ thống, phổ quát hơn và phi lịch sử (Cox 1997). "Ngoại giao bẫy nợ" sẽ được nhóm nghiên cứu áp dụng lý thuyết bá quyền của Gramsci trong một khuôn khổ của chủ nghĩa lịch sử hoặc chủ nghĩa duy vật lịch sử rộng lớn hơn để xem xét sự tổ chức cấu trúc của trật tự thế giới và tập trung vào vị thế mới nổi của xã hội dân sự như là một cuộc đấu tranh giành vị thế bá quyền đang diễn ra (Germain và Kenny 1998, tr.7). Bên cạnh đó, nhóm sẽ áp dụng mô hình 3 lực lượng biện chứng chính trong phần lý thuyết tân Gramsci đó chính là (i) khả năng vật chất, (ii) ý tưởng, và (iii) khả năng về thể chế để có xu hướng đạt được vị thế và duy trì một trật tự cụ thể. Các thể chế có thể có được một mức độ tự chủ, đóng vai trò là tác nhân của sự thay đổi và trở thành nơi tương tác cho các khuynh hướng đối lập (Moolakkattu 2009) cũng như là một yếu tố không kém phần quan trọng trong lý thuyết Gramsci đó chính là "cách mạng thụ động" để làm rõ vấn đề "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc trong Sáng kiến BRI của Trung Quốc.

3.2. Sự trỗi dậy của Trung Quốc dưới góc nhìn Cách mạng thụ động

3.2.1. Sự thay đổi mô hình kinh tế chính trị của Trung Quốc

Sự ảnh hưởng từ mô hình kinh tế từ các nước phương Tây đã có những ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế - chính trị của Trung Quốc từ đầu những năm mở đầu mở cửa cải cách kinh tế 1980. Qua đó, tác động của chủ nghĩa tư bản phương Tây đến với Trung Quốc là kết quả của kết hợp các đặc điểm bên trong một xã hội với các áp lực địa chính trị và các lực lượng xã hội bên ngoài (McCutcheon 2019). Điều này đã dẫn đến làm tăng thêm tính cấp thiết trong việc đổi mới và cải cách kinh tế bên trong nội bộ Trung Quốc khi thấy rằng nền kinh tế của Trung Quốc có khoảng cách khác xa đối với các nước xung quanh khu vực châu Á đang trong quá trình công nghiệp hóa phát triển đất nước (Meisner 1996). Chính vì những lý do trên đã thúc đẩy cho các nhà hoạch định Trung Quốc nhận thức rõ ràng cần có sự cải cách và có những chính sách hoạch định phát triển kinh tế mang tầm nhìn vĩ mô để có thể

cải thiện được nền kinh tế và vươn lên trở thành một trong những cường quốc thế giới trong tương lai.

Qua đây, Trung Quốc bắt đầu công cuộc cải cách mở cửa nền kinh tế và nhấn mạnh tầm quan trọng của tích lũy vốn thông qua: (i) thiết lập các đặc khu kinh tế (SEZ) và (ii) mở rộng thị trường lao động giá rẻ trong việc đẩy mạnh việc xuất khẩu để tạo điều kiện cần thiết trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài (Pass 2019). Mở cửa nền kinh tế trở thành một yếu tố quan trọng để Trung Quốc thực hiện tiến trình đổi mới mô hình kinh tế và hệ thống chính trị dựa trên ảnh hưởng từ mô hình tư bản chủ nghĩa phương Tây. Tuy vậy, sự mở cửa cải cách phát triển của Trung Quốc đối với các nước tư bản trong hệ thống kinh tế toàn cầu là không có sự đồng đều về hội nhập và thích ứng, lý do trong khuôn khổ chính trị - xã hội, Trung Quốc đã bỏ qua các quá trình thích ứng các tính năng xã hội từ mô hình hệ thống tư bản chủ nghĩa phương Tây thông qua sự tương tác trong quá trình hội nhập để chuyển đổi mô hình kinh tế của mình (Rosenberg 2013, tr.196). Bên cạnh đó, Trung Quốc vẫn còn một số tồn đọng chưa giải quyết hoàn toàn của cấu trúc nội bộ xã hội – chính trị, do vậy Trung Quốc không có giai cấp tư bản để dẫn dắt cách mạng. Có thể nói tiến trình cải cách thực hiện cách mạng cải cách kinh tế và chuyển đổi mô hình của Trung Quốc trước những ảnh hưởng của mô hình tư bản phương Tây theo chiều hướng thụ động. Đây là cuộc cách mạng theo khuynh hướng từ trên xuống, bá quyền tư bản được thiết lập được dựa trên (i) những biện pháp cưỡng chế để tạo những ràng buộc theo ý chí của giai cấp công nhân lãnh đạo, (ii) giai cấp tinh hoa chưa có sự liên kết đối với các giai cấp khác vì các quan điểm đối kháng, không ổn định về mặt chính trị.

3.2.2. Ràng buộc từ mô hình tư bản chủ nghĩa Trung Quốc

Sau cuộc cải cách mô hình chính kinh tế - chính trị theo định hướng thị trường để tạo nên yếu tố nội sinh để hình thành sức mạnh phát triển kinh tế, Trung Quốc với sự trỗi dậy của mình dựa trên nền kinh tế xuất khẩu hàng hóa ra các chuỗi giá trị toàn cầu được điều phối bởi các tập đoàn xuyên quốc gia để tạo thành nguồn sức mạnh mới (Hui 2017). Tuy vậy, Trung Quốc vẫn không thể phát triển toàn diện như Hoa Kỳ và các nước phương Tây đã phát triển mạnh sau khi trải qua những cuộc cách mạng trong việc thay đổi nền kinh tế - chính trị. Bởi một số yếu tố sau: (i) Trung Quốc đang vấp phải những ràng buộc về vốn tư nhân; và (ii) phụ thuộc vào nguồn vốn ở nước ngoài (Liu và Tsai 2020, tr.12-13).

3.2.2.1. Phụ thuộc vốn tư nhân

Trong thời kỳ cải cách và đổi mới công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh và mở rộng sự hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân để triển phát huy sức mạnh đầu tư vào việc xây dựng và công nghiệp hóa đất nước. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa này chỉ phục vụ cho việc duy trì sự tồn tại và củng cố quyền lực chính trị cho Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chính vì vậy, việc này đã tạo nên mâu thuẫn chính trị trong tư tưởng còn tồn đọng trong thời kỳ Mao Trạch Đông (Xã hội chủ nghĩa) và tư bản chủ nghĩa với yếu tố cốt lõi đó chính là tích lũy vốn thông qua vay vốn tư nhân (Liu và Tsai 2019). Tuy nhiên, mô hình tư bản của Trung Quốc vẫn phải phụ thuộc vào việc tích lợi nhuận thông qua vốn tư nhân, điều này đòi hỏi Đảng cộng sản Trung Quốc cần có những hành động nhằm cân bằng được lợi ích của nguồn vốn và việc duy trì sự kiểm soát của Đảng đối với các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm (Liu và Tsai 2019).

Khác với những nước như Mỹ, Anh,... nguồn vốn hướng về nguồn tài chính cho các công ty tư nhân được chú trọng nhiều hơn để giúp các doanh nghiệp có thể cạnh tranh ra toàn cầu, nhưng Trung Quốc thì ngược lại khi đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân kém hiệu quả và tập trung nhiều hơn và doanh nghiệp nhà nước khiến cho việc phân bổ nguồn lực bị bất cân xứng và không hợp lý. Điều này đã làm cản trở sự phát triển nhiều mặt của Trung Quốc vì các vấn đề như các doanh nghiệp phải đối mặt với việc đối mặt với các gánh nợ làm tiềm năng trong việc cạnh tranh trong chuỗi cung ứng toàn cầu của họ sẽ bị hạn chế (Chen và Bruce 2010; Tsai và Zhang 2019). Phương thức tư bản của Bắc Kinh đã tạo nên nhiều mâu thuẫn với các nền kinh tế, đặc biệt là phương Tây với xu hướng dựa trên sự hợp tác làm cơ sở cho sự đồng thuận với các nguyên tắc "thương mại tự do" của Anh Quốc, hay các thỏa thuận hợp tác trong việc tái thiết và phát triển thế giới tư bản trong trật tự tự do của Hoa Kỳ thiết lập sau Chiến Tranh Lạnh.

3.2.2.2. Phụ thuộc vốn nước ngoài

Khác với quá trình của các cuộc cách mạng công nghiệp của Anh và Mỹ đã áp dụng các biện pháp bảo hộ các ngành công nghiệp non trẻ khi đối mặt với những cạnh tranh của các nước khác (Chang 2002). Sự trỗi dậy của Trung Quốc được diễn ra trong thời đại của toàn cầu hóa được nhấn mạnh bởi sức mạnh thương mại (Gill và Cutler 2014). Qua đây, với bản chất phi tập trung của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tạo

được những lợi thế nhất định để củng cố các công ty xuyên quốc gia (TNCs) thông qua sự tiếp cận không tích hợp các cơ chế kinh tế nước ngoài vào nền kinh tế trong nước và khuyến khích các doanh nghiệp địa phương phối hợp xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với nguồn nước ngoài. Chính vì việc cải cách mở cửa kinh tế đưa đầu tư nước ngoài vào đã thúc đẩy tạo việc làm và tăng trưởng GDP (Chin 2010), với con số cụ thể đáng kinh ngạc, vào năm 2013 khoảng 1/3 GDP của Trung Quốc có thể là do nguồn đầu tư từ nước ngoài, bao gồm "các khoản đầu tư và hoạt động, chuỗi siêu thị,..." (Michael 2017, tr54).

Song hành với việc phụ thuộc vào FDI, lĩnh vực xuất khẩu của Trung Quốc cũng chỉ dựa vào nguồn cung cấp hàng hóa và linh kiện trung gian, cho đến thời điểm hiện tại, mặc dù đã có những nâng cấp một số ngành công nghiệp và là trung tâm sản xuất thương mại lớn thứ hai thế giới, Trung Quốc vẫn chưa có đạt được nhiều thành tựu trong khía cạnh ngành kỹ thuật và đạt những thành công chung trong việc nâng cấp công nghiệp theo chuỗi giá trị cung ứng toàn cầu (GVC – Global Value Chains) (Liu và Tsai 2017). Khi nêu bật tác động của những tác động trái ngược của mô hình kinh tế chính trị của Trung Quốc đã hình thành nên những tác động đối với yếu tố bá quyền tiềm tàng của Trung Quốc. Ngân hàng hạ tầng châu Á và Sáng kiến Vành đai và Con đường là những biểu hiện cụ thể nhất trong việc phản ánh những yếu tố về tư tưởng và vai trò của mô hình tư bản Trung Quốc này.

Qua đây, có thể thấy rằng cuộc cách mạng cải cách của Trung Quốc đối với các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây cũng như là những khác biệt cốt lõi trong khía cạnh kinh tế. Tiếp đến, trước những khác biệt đối với sức mạnh kinh tế tương đối của Trung Quốc, có thể thấy rằng những dự án tầm cỡ vĩ mô như Ngân hàng hạ tầng châu Á và Sáng kiến Vành đai và Con đường phản ánh rõ những tham vọng. Mặc dù vậy, Trung Quốc vẫn đã có những thành tựu nhất định trong việc cải thiện kinh tế đất nước nhưng vẫn còn gặp những trở ngại về phát triển trình độ khoa học kỹ thuật và hơn thế nữa đó chính là mở rộng được sức mạnh cấu trúc tiềm năng của bá quyền nước này bởi nhà nước này đã tập trung vào sự trường tồn vào Đảng Cộng sản Trung Quốc hơn là nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc tích lũy tư bản nhà nước. Điều này đã gây nên nhiều mâu thuẫn với những tầng lớp giai cấp khác nhau trong hệ thống xã hội của Trung Quốc, điều này buộc nhà nước phải có những biện pháp cưỡng chế như một chiến lược Trasformismo được phân tích ở dưới đây.

3.3.3. Chiến lược Trasformismo

Qua đây, giai cấp tư bản non trẻ không chỉ giành được quyền lực kinh tế, mà còn cả ảnh hưởng về chính trị. Năm 2001, Chủ tịch Giang Trạch Dân khi đó đã đưa ra nguyên tắc "Ba đại diện", điều này cuối cùng dẫn đến việc các nhà tư bản cho phép gia nhập ĐCSTQ. Sau đó, các nhà tư bản đã trở thành thành phần lớn nhất của ĐCSTQ khi so sánh với các tầng lớp xã hội khác (Breslin 2007, tr.79). Năm 2014, gần một phần ba số người siêu giàu là Đảng viên ĐCSTQ và 86 tỷ phú là thành viên của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, những người sở hữu khối tài sản lớn (trung bình 8,1 tỷ NDT) (Financial Times, 2014). Những sự thay đổi này đã chứng tỏ Đảng – Nhà nước đã từ bỏ giai cấp công nhân và nông dân là liên minh giai cấp xã hội của mình như trong thời kỳ Mao Trạch Đông) và tạo ra một "liên minh đã chuyển đổi chế độ" với giai cấp tư bản (Solinger 2006). Đây là chiến lược Trasformismo của nhà nước nhằm hợp tác với giai cấp tư bản đang lên và tạo ra "một khối lịch sử kinh tế - chính trị mới, đồng nhất" trong thời kỳ đổi mới (Anderson 1976, tr.19).

Điều này được thể hiện rõ ràng nhất qua việc 'thể chế hóa' quyền lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của người lao động về sự minh bạch hơn về mặt pháp lý đối với quyền của người lao động (nhà nước pháp quyền) nhưng trên thực tế đã củng cố năng lực điều chỉnh của UBND xã, một kiểu "tính hợp pháp độc đoán" (Gallagher 2017) nhằm mục đích phi chính trị hóa các mối quan hệ trong gia đình và ngăn cản phe đối lập chính trị ra khỏi Bắc Kinh vì việc thực thi luật này được giao cho cấp địa phương một cách khéo léo (Lee 2002, Lee 2008). Như một số lý thuyết pháp lý phê phán đề xuất, các cấu trúc chính trị-pháp luật đã che giấu sự sử dụng sức lao động của giai cấp và mâu thuẫn chính trị bằng cách phân tách giai cấp công nhân với tư cách là một lực lượng tập thể thành "cá nhân-cá nhân" và "chủ thể của pháp luật" để giảm khả năng thương lượng của họ và trước nhằm hình thành giai cấp tự giác (Poulantzas 1973).

Ngoài quyền lao động, hai Sáng kiến quan trọng khác cấu thành một phần của chiến lược trasformismo: nền dân chủ chưa hoàn thiện và 'cuộc chiến chống tham nhũng'. Các bước thẩm định được thực hiện để nâng cao trách nhiệm giải trình dân chủ ở cơ sở bắt đầu từ những năm 1980, trao cho công dân quyền bầu cử và một tiếng nói nhất định trong việc lựa chọn ứng cử viên trong các cuộc bầu cử thôn bản (Pass 2019) Theo Landry, Davis, và Wang, mục đích thực sự của các cuộc bầu cử thôn bản này là cho Bắc Kinh một cách để lừa gạt của các nhà lãnh đạo địa phương không đủ năng

lực/tham nhũng che dấu được những hành động lạm quyền để duy trì sự cai trị độc đoán (Landry, Davis & Wang 2010).

Với động cơ quốc gia và quốc tế thúc đẩy cuộc cách mạng thụ động, Trung Quốc đã trở thành trung tâm sản xuất toàn cầu, là nơi tích lũy vốn chủ yếu phụ thuộc vào các ngành xuất khẩu thâm dụng lao động, được thúc đẩy bởi dòng vốn FDI lớn và dồi dào lao động giá rẻ và không có tổ chức. Sự phát triển kinh tế và chính trị xã hội này đã dẫn đến việc lạm dụng sức lao động người lao động, từ đó gây ra tình trạng bất ổn lao động nghiêm trọng (A. Chan 2001; C. Chan 2009, 2010; Lee 2007; Pun 2005). Sự bất mãn ngày càng gia tăng không chỉ đặt ra thách thức đối với sự lựa chọn thụ động của nền kinh tế tư bản đối với cuộc cách mạng thụ động, mà còn có thể làm lung lay tính hợp pháp chính trị của ĐCSTQ (Li và Shaw 2019)

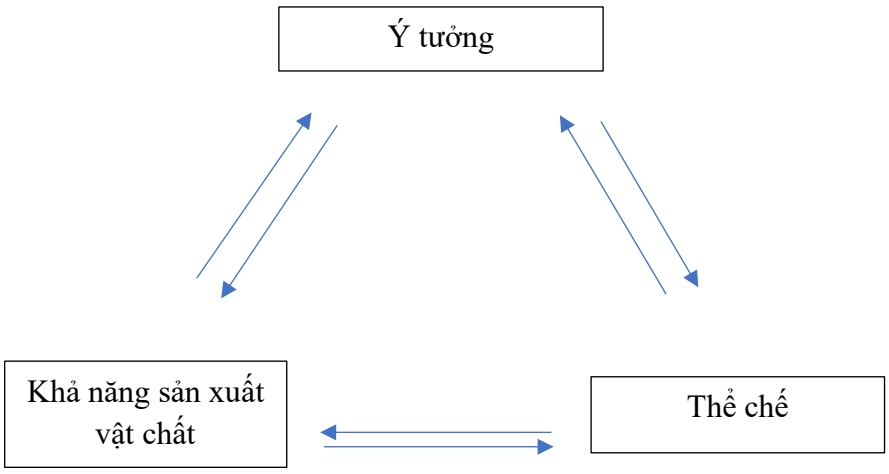
Tóm lại, trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng thụ động ở Trung Quốc, nhà nước Trung Quốc đã thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội và luật pháp để nuôi dưỡng kinh tế thị trường, thúc đẩy hình thành giai cấp tư bản, biến công nhân thành giai cấp, cải tạo sức lao động, thiết lập hệ thống tiền lương thị trường, hợp tác đại diện cho công nhân, và phân rã lực lượng giai cấp của công nhân, tất cả đều rất quan trọng đối với tích lũy tư bản. Có thể khẳng định rằng, Trung Quốc đang còn là một quốc gia non trẻ và chập chững và cần nhiều thời gian để ổn định tình hình chính trị kinh tế trong nước. Qua đây, có thể khẳng định rằng BRI đang là một trong những giải pháp giải quyết các vấn đề tồn đọng (chí ít là tạo nên hy vọng cho người dân về một xã hội hài hòa), cũng như là biểu tượng của tham vọng "giấc mộng Trung Hoa" của mình. Từ những nhận định trên, có thể khẳng định rằng vai trò BRI của Chủ tịch Tập Cận Bình như là giải pháp để giải tỏa những áp lực trong các khía cạnh về kinh tế đến chính trị của Trung Quốc. Và phản ánh được sản xuất mô hình thông qua BRI đến các nước tham gia đã tạo nên nhiều tồn đọng tiêu cực cho các nước BRI chịu ảnh hưởng (i) bởi tính không triệt để trong mô hình của Trung Quốc (ii) trình độ khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế và cơ chế quản lý lỏng lẻo không giống như cơ chế quản lý mà Ngân hàng thế giới (WB) hay Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã và đang thực hiện. Bên cạnh đó, cùng với việc các nước tham gia BRI là những nước trong nhóm các nước đang phát triển - đây là những nước có cơ chế quản lý, quan liêu nhà nước có nhiều lỗ hổng, không có trình độ, năng lực để quản lý và đánh giá các dự án. Điều này, đã dẫn đến hệ quả cho các nước BRI dễ rơi vào bẫy nợ của Trung Quốc và phải chịu cơ chế mất chủ

quyền khi các nước này không có khả năng hoàn trả lại cho Trung Quốc tiền đầu tư dự án BRI. Để có thể lý giải sâu hơn, nhóm nghiên cứu sẽ tiếp tục đánh giá cơ chế hoạt động của BRI qua mô hình 3 yếu tố cấu trúc lịch sử: Thể chế, ý tưởng và khả năng vật chất để rút ra những nhận định sâu sắc hơn về "ngoại giao bẫy nợ".

3.3 "Ngoại giao bẫy nợ" dưới góc nhìn đánh giá các khía cạnh cấu trúc lịch sử của lý thuyết bá quyền Gramsci

Cấu trúc lịch sự với ba yếu tố gồm: thể chế, ý tưởng (sự bao quát liên ngành và hình ảnh tập thể của trật tự xã hội), và khả năng vật chất (khoa học kỹ thuật, tích lũy tài nguyên) như là công cụ để duy trì một trật tự cụ thể và đóng vai trò là tác nhân của sự thay đổi cho các khuynh hướng đối lập. Tất cả các yếu tố này đóng vai trò tương hỗ lẫn nhau, về khía cạnh sản xuất vật chất không chỉ dừng lại ở yếu tố lực lượng vật chất đơn thuần mà còn là bao gồm việc sản xuất ra ý tưởng, những chuẩn mực, thể chế và thực tiễn xã hội trong phạm vi cơ bản mà quá trình sản xuất ra đời sống vật chất diễn ra và tập hợp thành một cấu trúc bá quyền và phản bá quyền (Moolakkattu 2019). Theo Cox, cấu trúc lịch sử là một bản tóm tắt của một cấu trúc cụ thể của các lực lượng để phân tích khái niệm bá quyền, khối lịch sử.

Sơ đồ cấu trúc lịch sử



Vì sự thống trị của tầng lớp tinh hoa (elite domination) được thiết lập qua những kỹ thuật chính trị (engineering political) thể hiện qua các thể chế, hệ thống kinh tế và khuôn khổ quản trị được hoạt động song hành với nhau để duy trì chế độ hàng

hóa, tích lũy tư bản và khai thác sức lao động (Nolan 2013, Breslin 2007; Steinfeld 2010). Tư tưởng được hình thành từ những kinh nghiệm sắc tộc, tôn giáo, vốn, lao động, công nghệ để hình thành bộ máy chính trị (the political apparatus) để hợp pháp hóa trong sự kiểm soát về quyền lực và hơn thế nữa đó chính là sự đồng thuận. Sự đồng thuận được "tái lập liên tục thông qua các cơ quan, lực lượng xã hội (giai cấp tư sản, tầng lớp công nhân,...) tạo thành một cấu trúc lịch sử mới cũng như là phản bá quyền ngăn chặn và làm lệch hướng cấu trúc lịch sử hiện tại (Gallagher 2002, tr.338-72), cũng như là xuất phát từ nội hàm của cấu trúc và liên kết với cách mạng thụ động (Chen 2018).

Từ những nhận định trên, khi xem xét trường hợp của Trung Quốc trong bối cảnh trật tự kinh tế tự do, do Hoa Kỳ lãnh đạo được nhấn mạnh và phát triển ở khía cạnh kinh tế và chính trị làm trọng tâm. Song hành cùng sự phát triển kinh tế - chính trị đó là sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thời đại. Điều này được đánh dấu bằng sự chuyển dịch khỏi nền sản xuất quốc gia cũng như là sự phát triển – phụ thuộc lẫn nhau của chuỗi cung ứng toàn cầu được điều phối bởi các tập đoàn đa quốc gia. Sự trỗi dậy kinh tế của Trung Quốc trong trật tự tự do có ảnh hưởng rất lớn (Ikenberry, 2008; Lieber, 2014; Steinfeld, 2010). Trong thương mại toàn cầu, Trung Quốc với tư cách thành viên WTO đã tạo nên nền tảng cho việc hội nhập vào trật tự tự do và như những nghiên cứu khác, Trung Quốc đã đóng góp vai trò của mình theo quy tắc thực dụng của WTO (Zeng & Liang, 2013).

3.3.1. Khả năng sản xuất vật chất

Kể từ năm 2008, sau sự kiện khủng hoảng tài chính đã làm thay đổi hoàn toàn trật tự chính trị thế giới, trong thời điểm có nhiều bất ổn về tương lai và khả năng phục hồi của thị trường kinh tế thế giới, sự vươn lên của các cường quốc mới nổi đã tác động đến nhiều lĩnh vực toàn cầu, nổi bật nhất là sự trỗi dậy của Trung Quốc trong sự cạnh tranh về kinh tế, tích lũy vốn với những chính sách nhằm giữ ổn định tình hình kinh tế trong nước và ngoài nước. Chính vì vậy, Trung Quốc và nhóm các nước cường quốc mới nổi đã ít ảnh hưởng bởi làn sóng khủng hoảng tài chính năm 2008 tiếp tục phát triển kinh tế. Điều này đã giúp Trung Quốc giữ được ổn định nền kinh tế trong nước và không ngừng gia tăng phát triển. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực tế là 9.5% trong gần 40 năm (International Monetary Fund 2018). Sự phát triển GDP kinh ngạc của Trung Quốc đã từ một trong những nước

nghèo nhất trên thế giới trở thành một trong những nước có GDP giàu nhất và vượt Hoa Kỳ vào năm 2014, điều này đã đưa 800 triệu người dân thoát khỏi tình cảnh đói nghèo, nâng cao tuổi thọ và giảm tỷ lệ tử vong ở nhóm phụ nữ và trẻ em (The World Bank 2018a, 2018b).

Bên cạnh đó, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu khác, vào năm 2009, theo thống kê từ Cơ quan Năng lượng quốc tế, Trung Quốc trở thành nước sử dụng năng lượng lớn nhất thế giới với mức độ tiêu thụ là 2,252 tỷ tấn dầu tương đương, vượt quá 2.170 tỷ tấn của Hoa Kỳ (Swart và Oster, 2010). Năm 2010, Trung Quốc đã thay thế Hoa Kỳ trở thành cường quốc sản xuất lớn nhất thế giới với 18,9% thị phần của các hoạt động sản xuất trên thế giới và liên tục vươn lên (Meschstroth, 2015), trong năm 2013, với thặng dư thương mại tăng đến 12,8% lên gần 260 tỷ USD, Trung Quốc vượt qua Mỹ trở thành quốc gia thương mại lớn nhất thế giới (Monaghan, 2014). Thời gian năm 2014, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã ước tính bằng cách sử dụng sức mua tương đương, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới với trị giá 17,6 nghìn tỷ USD so với 17,4 nghìn tỷ USD của Mỹ (Ducan và David, 2014), năm 2015, IMF đã thêm đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc vào SDR (Mayeda 2015).

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã dẫn đến hệ quả là phân bổ lại quyền lực toàn cầu, sự phát triển mạnh mẽ của các cường quốc mới nổi trong đó có Trung Quốc đã đạt một số thành tựu nhất định. Trước khả năng sản xuất vật chất vượt bậc và tạo nhiều cơ hội trong việc hình thành ảnh hưởng quyền lực của mình trong hệ thống quốc tế. Trung Quốc đã chuyển đổi trọng tâm chính sách đối ngoại của mình không còn bị giới hạn bởi lợi ích kinh tế mà mở rộng sang ảnh hưởng chính trị và quản trị toàn cầu. Bằng hàng loạt các hành động: (i) củng cố vị trí quan trọng của mình trong G20, đưa G20 trở thành một cơ chế quản trị dài hạn, (ii) thành lập Ngân hàng phát triển Châu Á (AIIB), cải thiện mô hình toàn cầu và quản trị tài chính, (iii) đề xuất Sáng kiến Vành đai và Con đường để xây dựng một khuôn khổ hợp tác quốc tế (Bo 2018, tr.50). Qua đây, với yếu tố khả năng sản xuất vật chất của Trung Quốc có nhiều thành tựu và phát triển tích cực, Trung Quốc đã mở ra nhiều cơ hội phát triển vai trò là một cường quốc kinh tế nhiều hơn để đóng góp trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế. Không chỉ vậy, Trung Quốc ngày càng có khả năng chi trả là điều kiện tiền đề để đầu tư xây dựng các kế hoạch sản xuất ảnh hưởng quyền lực của mình ra toàn cầu. Đặc

biệt là gia tăng các khoản vay đầu tư xây dựng ở các nước châu Á, châu Phi, Mỹ La Tinh,...

3.3.2. Ý tưởng và thể chế

Điều này cho thấy rằng, về yếu tố ý tưởng của Trung Quốc đang được thể hiện qua "giấc mộng Trung Hoa" với một kế hoạch tổng hòa các mối nguyên tắc, chuẩn mực trong việc đưa ra nguyên tắc "tham vấn rộng rãi, cùng đóng góp và cùng chia sẻ lợi ích" để thúc đẩy xây dựng một cộng đồng "chung vận mệnh" mang một "hình ảnh tập thể". Và tập hợp các quốc gia mang "các quan niệm khác nhau về bản chất và tính hợp thức của các quan hệ quyền lực hiện hành" để thúc đẩy và cung cấp tiềm năng về một con đường chung để phát triển một trật tự bá quyền trong một khu vực. Từ đây, hình thành mục đích mang một tầm nhìn và thuyết phục các quốc gia khác rằng hòa bình và thịnh vượng sẽ được đảm bảo rằng bằng cách được liên kết chặt chẽ hơn vào Trung Quốc. Qua đây, để nước tham gia có thể phát huy lợi thế và tiềm năng tương ứng và thúc đẩy xây dựng nền quản trị toàn cầu và phát huy sự bình đẳng cho các bên tham gia (Tân Hoa Xã, 2015). Do đó, có thể thấy rõ nhất qua Sáng kiến Vành đai và Con đường và AIIB của Chủ tịch Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình. Được thúc đẩy và triển khai với mục đích xây dựng các tuyến đường giao thương kinh tế, thúc đẩy hợp tác thương mại, tuy nhiên nhìn vào mục đích chính trị đây như là một động lực để thực hiện hóa "giấc mộng Trung Hoa" thông qua một loạt các nỗ lực thúc đẩy các xây dựng các thể chế trong lĩnh vực quản lý kinh tế và tăng cường hỗ trợ cho vay, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các nước trong khu vực cũng như một số nước khác ở châu Phi, Mỹ La Tinh,... để tăng cường vai trò lãnh đạo của Trung Quốc và gia tăng sự hiện diện của mình trong hệ thống kinh tế quốc tế, Trung Quốc đã và đang thúc đẩy các mạng lưới hợp tác thương mại tự do khắp toàn cầu.

Bên cạnh đó, việc thành lập các ngân hàng tài chính là một trong những yếu tố quan trọng để truyền tải cho nguồn sức mạnh cơ cấu khác của Trung Quốc về mặt hình thành các thể chế, AIIB được thành lập vì mục đích này. Qua đây có thể khẳng định rằng, Trung Quốc đang xã hội hóa các quy tắc của trật tự toàn cầu thông qua các thể chế tập trung vào (i) lợi ích xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở châu Á qua các gói viện trợ, các khoản vay xây dựng cơ sở hạ tầng (ii) mang giá trị chiến lược chính trị gia tăng ảnh hưởng quyền lực của Bắc Kinh ra toàn cầu (Lardy

2019) để tạo nên hệ thống tài chính phù hợp với các lợi ích của các nước trên thế giới (phản ứng ngược đối với hệ thống tài chính của Hoa Kỳ hiện nay).

Trước những ý tưởng và thể chế được phân tích ở trên, thực tế các vấn đề BRI và AIIB vẫn còn vấp phải những mối nghi ngờ về tính minh bạch và động cơ trong các khoản đầu tư từ BRI và AIIB mang lại. Vì trong trường hợp một cường quốc toàn cầu đang phát triển luôn tìm cách để đạt được mục đích xây dựng một trật tự bá quyền mới luôn có hành động luôn đi ngược lại với những lời nói (Liu và Tsai 2009), khi các dự án đầu tư của BRI đối với các nước tham gia đang xảy ra tình trạng rơi vào "bẫy nợ" không có khả năng hoàn trả các khoản vay nợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung Quốc, một nghiên cứu được công bố vào tháng 3 bởi Trung tâm Phát triển Toàn cầu đã xác định 23 quốc gia tham gia tổ chức các dự án do BRI tài trợ có nguy cơ lâm nợ, 8 trong số đó được đánh giá là rất dễ bị tổn thương (Li và Shaw 2019).

Tuy nhiên, nhìn về góc độ vấn đề thực trạng trong quản lý chất lượng đầu tư giữa hai bên tiếp nhận và cho vay của các dự án có vấn đề. Mặc dù Trung Quốc là một trong những cường quốc kinh tế, nhưng vẫn còn những hạn chế mà Trung Quốc đang đối mặt. Khoảng thời gian 40 năm, kể từ khi cải cách đất nước, Trung Quốc chưa thể theo kịp được sự phát triển tiên tiến về khoa học công nghệ kỹ thuật - quản lý dự án như các nước Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức đã làm được khi những nước này đã trải qua các cuộc cách mạng công nghiệp trong khoảng thời gian dài để đạt được những thành tựu về mặt khoa học kỹ thuật trong hiện tại. Đặc biệt là về mô hình quản lý dự án xây dựng của Trung Quốc đã bộc lộ ra nhiều điểm yếu kém và phải đối mặt với hàng loạt các thách thức trong việc quản trị và kiểm định chất lượng cơ sở hạ tầng, cũng như đối mặt với nhiều tranh cãi. Trong một cuộc phỏng vấn với Financial Times vào tháng 12 năm 2020, Adam Boehler, người đứng đầu Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế mới của Mỹ đã nói rằng các khoản đầu tư ở nước ngoài của Trung Quốc "100%" là thiếu bền vững, vì gánh nặng nợ nần, cơ sở hạ tầng chất lượng kém, tham nhũng và thiếu minh bạch (Trần 2020).

Cụ thể, xét về yếu tố rủi ro về quy trình quản lý dự án, các thủ tục pháp lý của các DNNN và vì DNNN có vai trò là nhà tài trợ, nhà thầu và bên cho vay nên DNNN có trách nhiệm ký kết các hợp đồng gồm hợp đồng chính phủ, thỏa thuận nhượng quyền, BOT, hợp đồng xây dựng và vật liệu xây dựng. Hầu hết các dự án xây dựng BRI đều được triển khai qua các thỏa thuận về nhượng bộ thông qua các cuộc đàm

phán trực tiếp giữa hai bên và không qua bất kỳ các quy trình đấu thầu nào. Việc thông qua thỏa thuận nhượng bộ trực tiếp này mang những lợi ích trong việc đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng dự án, nhưng điều này lại mang đến nhiều hệ quả tiêu cực cho cả hai nên cho vay và mượn bởi một số lý do sau đây: (i) Quá trình quản lý chi tiêu dự án sự giám sát nhưng là không có quy định về tính bền vững, (ii) lỗ hổng pháp lý: thường các dự án thông qua các thỏa thuận nhượng bộ thường mang tính lâu dài điều này đã tạo điều kiện cho việc các điều khoản pháp lý không được xử lý thống nhất thông qua một công cụ pháp lý duy nhất dẫn đến tình trạng đó chính là những điều khoản này phải sửa theo luật địa phương, (iii) rủi ro từ đối tác (Amada, Paul, Daniel, Jessica 2021). Cùng với đó là mô hình Trung Quốc cho vay đối với các nước BRI dựa vào cấu trúc quan hệ song phương giữa hai nước, điều này đã tạo nên một loạt các thách thức đến các khoản nợ chính phủ với các tác động có thể có với các mối quan hệ song phương. Bên cạnh đó, theo Scott Morris các khoản nợ được thực hiện theo tiêu chuẩn của luật địa phương khi cho vay thực hiện các dự án phát triển, nghĩa là việc các tiêu chuẩn sẽ phát triển theo tỷ lệ thuận sự mạnh yếu của luật địa phương (Trần 2019). Đó chính là sự khác nhau giữa việc thực hiện triển khai các khoản vay giữa Ngân hàng thế giới về việc vay theo tiêu chuẩn riêng của Trung Quốc. Điều này đã dẫn đến một loạt các rủi ro trong việc cho vay vốn đối với Trung Quốc, cũng như là hứng chịu những chỉ trích từ cộng đồng quốc tế.

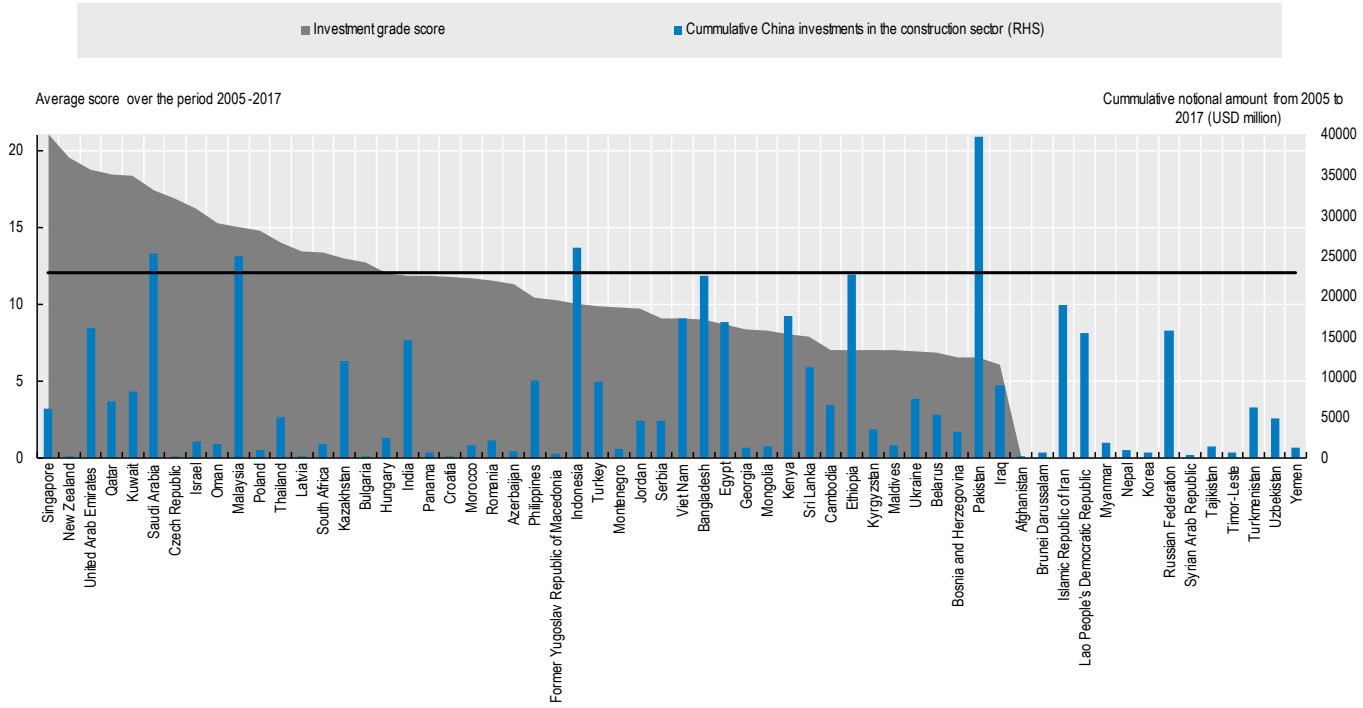
Bảng 4 So sánh các chính sách trong các chính sách thể hiện mức độ bền vững ngân hàng liên quan và chính sách ngân hàng Trung Quốc

	NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN ĐA PHƯƠNG	**TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN**	**CHÍNH SÁCH NGÂN HÀNG TRUNG QUỐC**
Chính sách quản lý	Tìm cách khuyến khích hoạt động mua sắm bền vững của những người đi vay chính phủ	Không áp dụng	Giám sát quản lý, nhưng không có điều khoản nào mang tính bền vững

Chính sách bảo vệ	Những đánh giá tác động môi trường (EIAs -Environmental Impact Assessment) và kế hoạch quản lý môi trường bắt buộc – quản lý bền vững là một phần của rủi ro. Tài nguyên thiên nhiên bền vững cần thiết cho chuỗi cung ứng có rủi ro cao.	Những đánh giá tác động môi trường (EIAs -Environmental Impact Assessment) và kế hoạch quản lý môi trường bắt buộc – quản lý bền vững là một phần của rủi ro. Tài nguyên thiên nhiên bền vững cần thiết cho chuỗi cung ứng có rủi ro cao.	Những đánh giá tác động môi trường (EIAs - Environmental Impact Assessment) và kế hoạch quản lý môi trường bắt buộc. Không có yêu cầu cụ thể về nguồn cung ứng đối với chuỗi cung ứng các nguồn tài nguyên thiên nhiên có rủi ro cao.
Xây dựng năng lực	Nguồn lực được phân bổ rộng rãi.	Nguồn lực được phân bổ rộng rãi.	Một số tài nguyên được phân bổ.
Chiến lược đầu tư	Mục tiêu tăng đầu tư bền vững. Các mục tiêu giảm phát thải trong danh mục đầu tư.	Mục tiêu tăng đầu tư bền vững. Các mục tiêu giảm phát thải trong danh mục đầu tư.	Mục tiêu tăng cường tài chính xanh. Không có mục tiêu giảm phát thải trong danh mục đầu tư. Giám sát tập trung vào việc phân bổ tài chính, hơn là tác động của các khoản đầu tư.

(*Nguồn: Hoare, A. L., Lan, H., & Hein, J. (2018). The role of investors in promoting sustainable infrastructure under the Belt and Road initiative)*

Bên cạnh đó, không chỉ riêng về bên cho vay, các nước tiếp nhận khoản vay cũng hình thành nên một phần phát sinh vấn đề rơi vào cảnh nợ nần. Các nước tham gia BRI thuộc nhóm các nước có (i) mức xếp hạng tín dụng thấp (bảng 5)



Bảng 5: Điểm xếp hạng tín dụng nền kinh tế tham gia BRI so với đầu tư dự án xây dựng *(Nguồn: S&P, Fitch, Moody's)*

Không chỉ vậy, các nước BRI là (ii) những nước thuộc nhóm các nước đang phát triển với thu nhập GDP, trình độ khoa học kỹ thuật mức thấp, và hệ thống chính trị có nhiều lỗ hổng, nền quản trị quan liêu yếu kém trong nội bộ nhà nước, cùng với đó là xảy ra tình trạng tham nhũng. Hơn thế nữa, tại những nước BRI hầu hết đều (iii) không được các công ty, các nước đầu tư chú trọng và cho vay phát triển cơ sở hạ tầng lý do là mức độ bền vững tại những nước này là không cao, và không có hiệu quả đầu tư, nên việc các nước tham gia BRI đều chấp nhận các khoản vay mang tính thương mại cao của Trung Quốc để có thể giải quyết vấn đề phát triển bên trong đất nước là điều hiển nhiên. Từ những nhận định trên đã dẫn đến hệ quả là các nước BRI rơi vào cảnh nợ nần, điều này có thể thấy rõ qua trường hợp của các nước như Sri Lanka, Pakistan,... Cụ thể tại các khu vực thể hiện rõ ràng các nước đang có những gánh nợ và hầu như không có khả năng hoàn trả bởi chính sách đánh giá dự án và có nền quan liêu chính trị chưa thật sự ổn định như:

Djibouti: Djibouti là nơi đặt căn cứ quân sự ở nước ngoài duy nhất của Trung Quốc.Theo đánh giá gần đây nhất của IMF đã nhấn mạnh tính chất cực kỳ rủi ro trong chính sách vay nợ của Djibouti. Chỉ trong hai năm, nợ công nước ngoài của Djibouti đã tăng từ 50% lên 85% GDP, cao nhất so với bất kỳ quốc gia có thu nhập thấp nào. Phần lớn khoản nợ bao gồm nợ doanh nghiệp công do chính phủ bảo lãnh và nợ Ngân hàng Trung Quốc Exim. Theo nhiều báo cáo, Trung Quốc đã cung cấp gần 1,4 tỷ đô la tài trợ cho các dự án đầu tư lớn của Djibouti tương đương 75% GDP (Kim 2017) bao gồm các dự án trong tương lai được cho là bao gồm ít nhất hai sân bay mới, một cảng mới tại Ghoubet, một nhà ga dầu và đường thu phí (Konh 2016). Trong khi một số khoản vay của Trung Quốc đã được gia hạn với lãi suất thấp hơn thị trường, điều này sẽ làm giảm nguy cơ vỡ nợ, cũng như những khoản khác, chẳng hạn như tài trợ cho tuyến đường sắt Addis Ababa-Djibouti, tuy vậy khoản tài trợ cho tuyến đường sắt này gần bằng với lãi suất thương mại (Krakowaska 2017).

Pakistan: Thông qua CPEC, Pakistan hiện đóng vai trò là trung tâm của BRI. Tổng giá trị của các dự án CPEC hiện được ước tính là 62 tỷ USD, trong đó ít nhất 33 tỷ USD trong số này dự kiến sẽ được đầu tư vào các dự án năng lượng (Naviwala 2017). Trung Quốc được cho là sẽ tài trợ khoảng 80% số tiền đó (Nicolini 2016). Tuy nhiên, bất chấp những cảnh báo, cùng với việc hủy bỏ các dự án gần đây nhất là ba dự án đường lớn vào cuối năm 2017 (Prebitero 2016) làm nguy cơ nợ nần ngày càng nhiều cho Pakistan vì phải trả lãi suất tương đối cao. Không giống như "lãi suất ưu đãi" 2-2,5% được đưa ra cho một số khách hàng của Ngân hàng Trung Quốc Exim, các báo cáo chỉ ra rằng một số khoản vay của Pakistan phản ánh lãi suất cao tới 5%, IMF đã cảnh báo những cú sốc bất lợi có thể dẫn đến tỷ lệ nợ công cao hơn 70% (Shaikh 2017).

Qua những phân tích trên, có thể khẳng định rằng vấn đề “ngoại giao bẫy nợ” là một phần phát sinh từ những “rủi ro” trong Sáng kiến Vành đai và Con đường đầy tham vọng của Chủ tịch Tập Cận Bình vì cả hai bên cho vay và tiếp nhận đều gặp những hệ quả tiêu cực trong quá trình vay mượn. Trước nhận định chung về cái nhìn “ngoại giao bẫy nợ” từ các dự án BRI, chúng ta cần có những phân tích cụ thể về những rủi ro gặp phải từ các dự án ở phương diện đúng và sai ở khâu quản lý và cơ chế cho vay của những dự án BRI trong mô hình của Trung Quốc, và cũng như khi tham chiếu khái niệm “cách mạng thụ động” có thể thấy rằng Trung Quốc trong (i)

việc xây dựng và sản xuất mô hình kinh tế xã hội của Trung Quốc vẫn chưa mang tính triệt để với phương thức sản xuất và tổ chức liên minh giai cấp và thể chế chưa có tính ưu việt hay chưa thông qua các mạng triệt để (ii) vấn đề kinh tế - chính trị của Trung Quốc không thật sự ổn định để xây dựng trật tự bá quyền mới thay Hoa Kỳ. Vì vẫn đang còn nhiều hạn chế tiêu cực đan xen bởi các vấn đề về mô hình phát triển kinh tế - xã hội trong hiện tại còn nhiều sự bất cập và phụ thuộc vào nền kinh tế thế giới hiện nay.

3.4. Tiểu kết chương 3

Áp dụng từ mô hình cấu trúc lịch sử của Gramsci qua ba yếu tố biện chứng: ý tưởng, thể chế, khả năng sản xuất vật chất trong việc đánh giá tổng thể các khía cạnh trong mô hình kinh tế chính trị tư bản chủ nghĩa của Trung Quốc đã cho thấy rằng mặc dù Trung Quốc đã có những thành công nhất định cũng như có yếu tố tiềm tàng trong việc sản xuất vật chất để hình thành nên một trật tự bá quyền thông qua các thể chế chính trị như Sáng kiến Vành đai và Con đường, Ngân hàng hạ tầng châu Á. Tuy nhiên, nhìn vào góc độ thể chế mô hình tư bản chủ nghĩa Trung Quốc đã xuất hiện những lỗ hổng. Cụ thể, nhìn vào góc độ thực trạng các dự án trong Sáng kiến Vành đai và Con đường, chất lượng quản lý dự án, cơ chế cho vay đều gặp vấn đề: (i) trình độ quản lý dự án chưa phát triển, gặp nhiều lỗ hổng pháp lý và mang tính gắn kết bằng các tổ chức đầu tư và các nước cho vay khác, (ii) hầu như các thỏa thuận thương mại về nhượng bô dự án đều thông qua các cuộc đàm phán mà không qua bất kỳ quy trình đấu thầu nào và (iii) rủi ro từ phía đối tác, khi các nước tham gia BRI đều gặp nhiều vấn đề về tính bền vững, nền quản trị quan liêu kém và tham nhũng,... Tất cả các yếu tố này đã khiến cho các nước BRI khi vay vốn đầu tư của Trung Quốc không còn đủ khả năng để hoàn lại các khoản vay và trở thành gánh nợ của Trung Quốc. Tuy vậy, Trung Quốc cũng gặp nhiều tổn thất nặng nề khi các nước này không thể hoàn trả và làm các dự án trong Sáng kiến BRI trì trệ không thể hoàn thành trong tương lai gần.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ những khía cạnh của lý thuyết bá quyền của Antonio Gramsci – mang màu sắc của lý thuyết phê phán để đánh giá và làm rõ vấn đề cốt lõi xoay quanh khái niệm "ngoại giao bẫy nợ" của Trung Quốc, cũng như việc hình thành trật tự bá quyền tiềm tàng hiện nay.

Trung Quốc là một trong những nền kinh tế cốt lõi trên thế giới, cùng với đó là tham vọng thay thế Hoa Kỳ để lãnh đạo hệ thống chính trị thế giới thông qua việc thực hiện các chiến lược phát triển nội lực điển hình như là Sáng kiến "Vành đai và Con đường". Tuy nhiên, Trung Quốc chưa thể thực hiện được tham vọng này bởi mô hình kinh tế chính trị vẫn chưa thực hiện hoàn toàn được một cuộc cải cách triệt để cũng như vẫn chịu nhiều sự ảnh hưởng từ mô hình tư bản của các nước phương Tây và xuất phát từ những mâu thuẫn đan xen bên trong bộ máy hoạt động của nước này kể từ sau công cuộc cải cách mở cửa đất nước.

Qua những phân tích nhìn nhận đánh giá ở trên, có thể khẳng định rằng Trung Quốc hiện nay chỉ đạt những thành tựu nhất định và còn gặp nhiều rào cản trong mô hình tích lũy tư bản. Cùng với đó là việc Trung Quốc chỉ dựa vào nền kinh tế xuất khẩu của mình để thúc đẩy tăng trưởng, cũng như chỉ mới áp dụng được các phương thức khoa học kỹ thuật từ các nước tiên tiến như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức,...để phát triển đất nước.

Các khuôn khổ trong việc thực thi các chính sách của Trung Quốc vẫn chưa mang tính riêng biệt và không có tính bền vững cao so với Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế. Đặc biệt là Trung Quốc vẫn chưa có sự thể hiện rõ ràng về tính minh bạch và chất lượng xây dựng, đầu tư trang thiết bị xây dựng – tham gia đánh giá quản lý dự án đối với các nước tham gia BRI. Qua đây, có thể khẳng định rằng Sáng kiến BRI này sẽ mang đến các rủi ro tiềm tàng cho các nước BRI. Các nước như Lào, Campuchia,... là những ví dụ điển hình cho việc chậm tiến độ thực hiện, đội chi phí, chất lượng xây dựng kém, vấn đề lao động Trung Quốc khi đưa vào các dự án liên quan BRI.

Tiếp đến, các nước tiếp nhận vốn là các nước thuộc nhóm rủi ro tiềm tàng cao về chính trị kinh tế và nguy cơ vỡ nợ cao trong việc hợp tác xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng bởi tính không bền vững và điểm tín dụng gần như chạm ở đáy ví dụ như Pakistan, Sri Lanka,... Điều này đã dẫn đến những hệ quả đến cả hai phía cho vay vốn và tiếp nhận vốn khiến cho các nước BRI không thể hoàn trả lại các khoản vay và mang một khoảng gánh nợ đối với Trung Quốc.

2. Kiến nghị

Trước những hiện trạng từ Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc mang lại những hệ quả tiêu cực cho các nước như Pakistan, Sri Lanka, Lào, Campuchia,... Việt Nam đã có những bước thận trọng trong việc hợp tác tham gia BRI với Trung Quốc:

(i) Mặc dù vậy Việt Nam vẫn phải luôn dè chừng và luôn cảnh giác trước những mối tác động tiêu cực mà BRI mang lại điển hình như là lãi suất vay của Trung Quốc cao hơn các tổ chức Ngân hàng thế giới hay Quỹ tiền tệ quốc tế,...

(ii) Việt Nam luôn có các giải pháp để phát triển cơ sở hạ tầng, có thể hợp tác và tìm các nguồn tài trợ từ các đối tác về ODA như Nhật Bản, Hoa Kỳ hay các tổ chức tài chính quốc tế uy tín khác.

(iii) Hợp tác theo mô hình đối tác Công – tư để thiết lập những tiêu chuẩn hiệu quả trong việc phân phối và điều hành về quản lý thúc đẩy xây dựng các cơ sở hạ tầng và tận dụng các lợi thế phát triển tiên tiến về khoa học, trang thiết bị hiện đại.

(iv) Luôn không ngừng phát triển các dự luật và cơ chế quản lý nhà nước cũng như là thắt chặt hơn các vấn đề quản lý xây dựng và tài chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ABC News. (2008). Unemployment at 5-Year high as U.S. loses 84,000 jobs. Truy Cập: https://abcnews.go.com/Business/Economy/story?id=5733848&page=1

2. African Leaders and the Geography of China's Foreign Assistance. Journal of Development Economics, 140 (2), 44-71.

3. Alam F., & Asef S. (2020). The Implications of BRI in Djibouti: A Critical Geopolitical Analysis. Research Association for Interdisciplinary Studies. Bangladesh: RAIS Conference Proceedings, 277-283.

4. Amada, L., Paul, S., Daniel, X., & Jessica, F. (2021). Construction legal issues involving state-owned companies and contractors on the BRI. Commercial Dispute Resolution. Truy cập: https://iclg.com/cdr-essential-intelligence/1100-cdr-the-belt-and-road-initiative-2021/7-construction-legal-issues-involving-state-owned-companies-and-contractors-on-the-bri

5. Anderson, P. (1976). "The Antinomies of Gramsci." New Left Review 100: 5–78

6. Anh Duy. (2016). Thủ tướng Campuchia tuyên bố không ủng hộ phán quyết của tòa PCA xử tranh chấp Biển Đông. Truy cập: https://congan.com.vn/quoc-te/thoi-su-quoc-te/thu-tuong-campuchia-tuyen-bo-khong-ung-ho-phan-quyet-cua-toa-pca-xu-tranh-chap-bien-dong_21488.html

7. Asia for Educators. (2020). U.S.-China relations since 1949. Truy cập: https://afe.easia.columbia.edu/special/china_1950_us_china.htm

8. Baylis, J. (2005) The Globalization of World Politics (3rd ed.). Oxford: Oxford University Press, 225-245.

9. Binder, L., & La Palombara, J. (2015). Crises and Sequences in Political Development.(SPD-7). In Crises and Sequences in Political Development.(SPD-7). Princeton University Press.

10. Breslin, S. (2007). China and the Global Political Economy. Basingstoke: Palgrave Macmillan.

11. Brzezinski, Z., & Lê, P. T. (1999). Bàn Cờ Lớn. Hà Nội, Việt Nam: NXB Quốc gia Hà Nội.

12. Callahan, W. (2017). Dreaming as a Critical Discourse of National Belonging: China Dream, American Dream and World Dream. Nations and Nationalism, 23(2), 248-270.

13. Campbell, K. (2016). The Pivot: The Future of American Statecraft in Asia. New York: Twelve.

14. Carmody, P., Taylor, I., & Zajontz, T. (2021). China's Spatial Fix and 'Debt Diplomacy' in Africa: Constraining Belt or Road to Economic Transformation?. Canadian Journal of African Studies, 1-22.

15. Clinton inks China trade bill. (2000). Truy cập: https://www.cbsnews.com/news/clinton-inks-china-trade-bill/

16. Cox, R. (1983). Gramsci, Hegemony and International Relations: An Essay in Method. Millenium: Journal of International Studies, 12(2), 162-175.

17. Chang, H. (2002). Kicking away the ladder: Development strategy in historical perspective. London: Anthem Press.

18. Chellaney, B. (2017). China's debt-trap diplomacy. Project Syndicate. Truy cập: https://www.project-syndicate.org/comentary/china-one-belt-one-road-loans-debt-by-brahma-chellaney-2017-01

19. Chen. J., & Bruce, J. D. (2010). Allies of the State: China’s Private Entrepreneurs and Democratic Change. Cambridge, MA: Harvard University Press.

20. Chin, G. (2010). China’s automotive modernization: The party-state and multinational corporations. Germany: Springer.

21. China SCIO. (2020). What are six economic corridors under Belt and Road initiative?

22. China share of manufacturing. (2022). Truy cập: https://www.theglobaleconomy.com/China/Share_of_manufacturing/

23. China tries to calm jitters about the “Belt and Road” initiative. (2019). Truy cập: https://www.economist.com/china/2019/04/25/china-tries-to-calm-jitters-about-the-belt-and-road-initiative

24. Cho, Y. N., & Jeong J. H. (2008). China's Soft Power: Discussions, Resources, and Prospects. Asian Survey, 48(3), 453-472.

25. Christina. (2020). History and criticism of Brazil, Russia, India and China (BRIC). Investopedia. Truy cập: https://www.investopedia.com/terms/b/bric.asp

26. De Graaff B., Brink T., & Parmar I. (2020). China’s Rise in a Liberal World Order in Transition – Introduction to the FORUM. Review of International Political Economy, 27(2), 181-207.

27. Delisle, J., & Goldstein, A. (2019). [TP1] China’s Economic Reform and Opening at Forty: Past Accomplishments and Emerging Challenges.

28. Demiryol, T. (2019). Political Economy of Connectivity: China's Belt and Road Initiative. USA: RAIS Conference Proceedings.

29. Dreher A., Fuchs A., Hodler R,. Parks B. C., Raschky P. A., & Tierney M. J. (2015) .Tracking under-reported financial flows: China's development finance and the aid-conflict nexus revisited, Discussion Papers, No. 175, Georg-August-Universität Göttingen, Courant Research Centre - Poverty, Equity and Growth (CRC-PEG), Göttingen

30. Duncan., Hugo., & David, M. (2014). America Usurped: China Become World's Largest Economy – Putting USA in Second Place for the First Time in 142 Years. Dailymail. Truy cập: http://www.dailymail.co.uk/news/article-2785905/China-overtakes-U-S-world-s-largesteconomy-IMF-says-economy-worth-17-6trillion-America-falls-second-place-time-1872.html

31. E.Colin Ruggero. (2018). Gramsci and the War of Position. Retrieved from https://warofposition.com/94

32. Eastern asia: a Study in Sino-Capitalism. in timothy Brook and hy luong, eds., Culture and Economy: The Shaping of Capitalism in Eastern Asia. ann

33. Eder, T. (2018). Mapping the Belt and Road Initiative: This Is Where We Stand. Truy cập: https://merics.org/en/tracker/mapping-belt-and-road-initiative-where-we-stand

34. Edward, S., & Steinfeld. (2010). Playing Our Game: Why China's Rise Doesn't Threaten the West. Oxford: Oxford University Press.

35. Fang, C., Garnaut, R., & Song, L. (2018). 40 years of China's reform and development: How reform captured China's demographic dividend. China's 40 Years of Reform and Development: 1978–2018, 5-25. doi:10.22459/cyrd.07.2018.01

36. Feng, J. (2021). China Backed by 65 Nations on Human Rights Despite Xinjiang Concerns. Truy cập: https://www.newsweek.com/support-chinas-human-rights-polices-doubles-among-un-members-1603246.

37. Friedberg, A. L. (2005). The Future of U.S.-China Relations: Is Conflict Inevitable?. International Security, 30(2), 7–45.

38. Gallagher, M. E. (2017). Authoritarian legality in China: Law, workers, and the state. Cambridge University Press.

39. Garlick J. (2019). The Impact of China's Belt and Road Initiative: From Asia to Europe. Oxforshire: Routledge.

40. Geithner., & Timothy F. (2009). Written Testimony before the Senate Foreign Relations Committee. Truy cập: https://www.ustreas.gov/press/releases/tg410.htm

41. Gerimain, R. D., & Kenny, M. (1998). Engaging Gramsci: International

42. Gerschenkron, A. (1966). Economic backwardness in historical perspective: A book of essays. US: Belknap Press.

43. Gonzalez-Vicente, R. (2019). Make Development Great Again? Accumulation Regimes, Spaces of Sovereign Exception and the Elite Development Paradigm of China's Belt and Road Initiative. Business and Politics, 21(4), 487-513.

44. Gore, L. (2010). The Chinese Communist Party and China's Capitalist Revolution: The Political Impact of Market. (1st ed.). Oxfordshire: Routledge. 200 p.

45. Gramsci, A. (1971). Selections from the Prison Notebooks. Quentin Hoare and Geoffrey Nowell-Smith (ed and trans). London: Lawrence and Wishart.

46. Gill, S., & Cutler, A. C. (2014). New constitutionalism and world order. Cambridge University Press.

47. Habermas, J. (1991). The Philosophical Discourse of Modernity. Cambridge, MA: MIT Press.

48. Hameiri, S., & Wilson, J. D. (2017). The contested rescaling of economic governance in East Asia. UK: Routledge.

49. Heginbotham, E., & Samuels, R. J. (1998). Mercantile Realism and Japanese Foreign Policy. International Security, 22(4), 171-203.

50. Hoare, A. L., Lan, H., & Hein, J. (2018). *The role of investors in promoting sustainable infrastructure under the Belt and Road initiative.*

51. Huang, Y. (2010). Debating China's Economic Growth: The Beijing Consensus or The Washington Consensus. Academy of Management Perspectives, 24(2), 31-47.

52. Hui, E. S. (2016). Putting the Chinese state in its place: A march from passive revolution to hegemony. Journal of Contemporary Asia, 47(1), 66-92. Retrieved from

53. Ikenberry, G. J. (2008). The rise of China and the future of the West-Can the liberal system survive. Foreign Affairs, 87(1), 23–37.

54. IMF .(2019). Pakistan Requests for an Extended Arrangement under the Extended Fund. Truy cập: https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2019/07/08/Pakistan-Request-for-an-Extended-Arrangement-Under-the-Extended-Fund-Facility-Press-Release-47092

55. International Monetary Fund (2018). World economic outlook. Truy cập: https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2018/03/20/world-economic-outlook-april-2018

56. Ives, P., & Short, N. (2013). On Gramsci and the international: A textual analysis. Review of International Studies, 39(3), 621-642.

57. Jackson, R., & Sorensen, G. (2013). Introduction to International Relations: Theories and Approaches. (5th ed.). Oxford: Oxford University Press.

58. Jizhong, Z., Jeffery, C., King, R., & Csabay, A (2020). The Belt and Road Initiative 2020 Survey – A More Sustainable Road to Growth?. Truy cập: https://www.centralbanking.com/central-banks/economics/4737966/the-belt-and-road-initiative-2020-survey-a-more-sustainable-road-to-growth.

59. Joseph, N. (2003). Limits of American Power. Political Science Quarterly, 117(4), 545-559.

60. Keohane, R. O. (1986). Neorealism and Its Critics. New York: Columbia University Press.

61. Kim, J. Y. (2017). Remarks of World Bank Group President Jim Yong Kim at the Belt and Road Forum for International Cooperation – Opening Plenary Session. Truy cập: http://www.worldbank.org/en/news/speech/2017/05/14/remarks-ofworld-bank-group-president-jim-yong-kim

62. Kohn, M. (2016). Russia Stalls China's $1 Billion Hydropower Loan for Mongolia Truy cập: https://www.bloomberg.com/news/articles/2016-07-10/russia-stalls-china-s-1-billion-hydropower-loan-for-mongolia

63. Koon, H. P. (1997). Robert Kuok and the Chinese Business network in

64. Kosolapova, E. (2017). Construction of Tajik section of Turkmenistan-China gas pipeline starts. Trend News Agency.

65. Landry, P. F., Davis, D., & Shiru Wang. (2010). Elections in rural China: Competition without parties. Comparative Political Studies, 43(6), 763-790. doi:10.1177/0010414009359392

66. Lardy, N. R. (2019). The state strikes back: The end of economic reform in China?. Peterson Institute for International Economics.

67. Lebow, R. N. (2011). Realism in International Relations. In B. Badie, D. Berg-Schlosser, & L. Morlino, International Encyclopedia of Political Science (pp. 2218-2223). Thousand Oaks: SAGE Publications, Inc

68. Lee, C. K. (2002). From the specter of Mao to the spirit of the law: Labor insurgency in China. Theory and Society, 31(2), 189-228.

69. Lee, C. K. (2007). Against the law: Labor protests in China's Rustbelt and Sunbelt. University of California Press.

70. Leverett, F., & Wu, B. (2016). The New Silk Road and China's Evolving Grand Strategy. The China Journal, 77,110–32.

71. Lê, H.H. (2020) Hiện Trạng Sáng kiến Vành đai và Con đường ở khu vực Mekong. Nghiên cứu quốc tế. Truy cập: https://nghiencuuquocte.org/2020/12/14/hien-trang-sang-kien-vanh-dai-va-con-duong-o-khu-vuc-mekong/

72. Lê, H. H & Nguyễn, T, C. (ed and trans). (2016). Di sản của vụ thảm sát Thiên An Môn. Nghiên cứu quốc tế.Truy cập: https://nghiencuuquocte.org/2014/07/05/di-san-cua-vu-tham-sat-thien-an-mon/

73. Lê, H. H & Nguyễn, T. H. T . (ed and trans). (2017). Ý nghĩa sự kiện Quảng trường Thiên An Môn. Truy cập: https://nghiencuuquocte.org/2017/06/02/y-nghia-su-kien-quang-truong-thien-mon/

74. Li, R., & Zhu, Q. (2017). Public policy processes and public participation in Mainland China. UK: Routledge, 55-74.

75. Lieber, R. J. (2014). The rise of the BRICS and American primacy. International Politics, 51(2), 137–154. https://doi.org/10.1057/ip.2014.1

76. Litowitz, D. (2000). Gramsci, Hegemony and the Law. Brigham Young University Law Review, 2000(2), 515-551.

77. Liu, M., & Tsai, K. S. (2020). Structural Power, Hegemony, and State Capitalism: Limits to China's global Economic Power. Politics & Society, 49(2), 235-267. Truy cập: https://doi.org/10.1177/0032329220950234

78. Liu, W & Dunford, M. (2016). Inclusive globalization: Unpacking China's belt and road initiative. Area Development and Policy, 1(3), 323–340.

79. Liu, W. (2018). GDP and the new concept of development: Understanding China's changing concept of development in regards to GDP after the reform and opening-up. China's 40 Years of Reform and Development: 1978–2018. Truy cập: http://press-files.anu.edu.au/downloads/press/n4267/pdf/ch04.pdf

80. Lu H., Rohr C., Hafner M., & Knack A. (2018). China Belt and Road Initiative - Measuring the Impact of Improving Transport Connectivity on International Trade in the Region – a Proof-of-Concept Study. UK: RAND Coporation and Cambrige.

81. Ly B. (2020). China and Global Governance: Leadership through BRI. Cogent Social Sciences, 6(1), 1-22.

82. Majaski, C. (2020). History and criticism of Brazil, Russia, India and China (BRIC). Retrieved from https://www.investopedia.com/terms/b/bric.asp

83. Mayeda, Andrew. (2015). IMF Approves Reserve-Currency Status for China's Yuan. Truy cập: http://www.bloomberg.com/news/articles/2015-11-30/imf-backs-yuan-in-reservecurrency-club-after-rejection-in-2010

84. McCutcheon G. (2019). The uneven and combined emergence of Capitalism with Chinese characteristics. Truy cập: https://www.e-ir.info/2019/11/19/the-uneven-and-combined-emergence-of-capitalism-with-chinese-characteristics/

85. McNally, C. A. (2012). Sino-capitalism: China's Reemergence and the international political economy. World Politics, 64(4), 741-776. https://doi.org/10.1017/s0043887112000202

86. Mechstroth, D. (2015). China Solidifies Its Position as the World's Largest Manufacturer. Truy cập: https://www.mapi.net/blog/2015/09/china-solidifies-its-position-world's-largest-manufacturer

87. Meisner, M. (1996). The Deng Xiaoping Era – An Inquiry into the Fate of Chinese Socialism, 1978-1994. Toronto: HarperCollins Canada Ltd.

88. Michael J. Enright. (2017). Developing China: The Remarkable Impact of Foreign Direct Investment. New York: Routledge.

89. Mobley T. (2019). Belt and Road Initiative: Insights from China's Backyards. Strategic Studies Quarterly, 13(3), 52-72.

90. Mohanty, M. (2013). Xi Jinping and the "Chinese Dream". Economic and Political Weekly, 48(38), 34–40. http://www.jstor.org/stable/23528539

91. Monaghan, A. (2014). China Surpasses US as World's Largest Trading Nation. The Guardian. Truy cập: https://www.theguardian.com/business/2014/jan/10/china-surpasses-us-world-largest-trading-nation

92. Moolakkattu, J. S. (2009). Robert W. Cox and critical theory of international relations. International Studies, 46(4), 439-456. https://doi.org/10.1177/002088171004600404

93. Morrison, W. M. (2006). China's economic rise: History, trends, challenges, and implications for the United States. https://www.everycrsreport.com/reports/RL33534.html

94. Morton A. (2007). Unraveling Gramsci: Hegemony and Passive Revolution in the Global Economy. London: Pluto Press.

95. Naviwala, N. (2017). Pakistan's $100B deal with China: What does it amount to?. Devex. Truy cập: https://www.devex.com/news/pakistan-s-100b-deal-with-china-whatdoes-it-amount-to-90872

96. Nedopil, Christoph (2021): "Investments in the Belt and Road Initiative"; Shanghai, Green Finance & Development Center, FISF Fudan University, www.greenfdc.org

97. Nicolini, J. (2016). Self-fulfilling Prophecies in Sovereign Debt Markets. Federal Reserve Bank of Minneapolis.

98. Nolan, P. (2013). Is China buying the world? USA: John Wiley & Sons.

99. Nguyễn, T. T. (2021). Cách mạng văn hóa (Cultural Revolution). Truy cập: https://nghiencuuquocte.org/2014/12/14/cach-mang-van-hoa/

100. Pass, J. (2019). A Neo Neo-gramscian reading of Hegemony. American Hegemony in the 21st Century, 13-51. https://doi.org/10.4324/9780429459061-2

101. Pearlstein, S. (2010). Steering U.S.-China Economic Relations toward a New Normal. Truy cập: https://www.washingtonpost.com/wp-dyn/content/article/2010/06/29/AR2010062905064.html

102. Peng B. (2018). China, Global Governance, and Hegemony: Neo-Gramscian Perspective in the World Order. Journal of China and International Relations, 6(1), 48-69.

103. Pew Research Center (2011). China seen overtaking U.S. as global superpower. Pew Research Center's Global Attitude Project. Truy cập: https://www.pewresearch.org/global/2011/07/13/china-seen-overtaking-us-as-global-superpower/

104. Poulantzas, N. (1973). Political Power and Social Classes. London: New Left Books.

105. Presbitero, Andrea F (2016). Too much and too fast? Public investment scaling-up and absorptive capacity. Journal of Development Economics, 120, 17-31. https://doi:10.1016/j.jdeveco.2015.12.005

106. Rakhmat, M. Z. (2018). Exporting the Chinese Dream to Al Khaleej: An Examination of the Belt and Road Initiative and the Asian Infrastructure Investment Bank as China’s Emergent Hegemonic Project in the Gulf. The University of Manchester.

107. Ramesh, S (2021). Neo-Gramscian interpretations on ideas, institutions, and hegemony. Berlin Journal of Critical Theory, 20(2), 177-185.

108. Relations Theory and the New Gramscians. Review of International Studies, 24(1), 3–21.

109. Rey, F. G. (2019). Subjectivity as a new theoretical, epistemological, and methodological pathway within cultural-historical psychology. In Subjectivity within cultural-historical approach. Singapore: Springer,(pp 21-36).

110. Rosenberg, J. (2013). Kenneth Waltz and Leon Trotsky: Anarchy in the mirror of uneven and combined development. International Politics, 50(2), p.196.

111. Saimum R. (2020). The Prospect of Belt and Road Initiative in the Context of Bangladesh. China Report, 16(2), 142–69.

112. Samuelson, Robert (2010), A New Economic Order. Truy cập: www.newsweek.com/2010/04/30/a-new-economic-order.print.html

113. Shaikh, S., & Tunio, S. (2017). Pakistan ramps up coal power with Chinese-backed plants. Truy cập: https://www.reuters.com/article/us-pakistan-energycoal/pakistan-ramps-up-coal-power-with-chinese-backed-plants-idUSKBN17Z019.

114. Shen S, Chan, W. (2018). Comparative Study BRI and Marshall Plan. Palgrave Communications Article, 4(32),1-13.

115. Solinger, D. (2006). "The Creation of a New Underclass in China and its Implications." Environment and Urbanization 18 (2): 177–193

116. Steans, J., Pettiford, L., Diez, T., & El-Anis, I. (2010). An Introduction to International Relations Theory: Perspectives and Themes (3rd ed). Harlow: Pearson Education Limited.

117. Stone, R. (2019). China's 'debt-trap' diplomacy is little more than a fantasy. Truy cập: https://www.trtworld.com/opinion/china-s-debt-trap-diplomacy-is-little-more-than-a-fantasy-32418

118. Swartz, Spencer & Oster, S. (2010). China Tops U.S. in Energy Use: Asian Giant Emerges as No.1 Consumer of Power, Reshaping Oil Markets, Diplomacy. Truy cập:

http://www.wsj.com/articles/SB10001424052748703720504575376712353150310

119. Timeline: U.S. Relations with China 1949–2021. (2017). Truy cập: https://www.cfr.org/timeline/us-relations-china

120. Tobita M. (2020). Coronavirus in Djibouti Increases Risk Of China Debt Trap. Truy cập: https://asia.nikkei.com/Spotlight/Belt-and-Road/Coronavirus-in-Djibouti-increases-risk-of-China-debt-trap

121. Tocci N. (2018). The Demise of the International Liberal Order and the Future of the European Project. IAI Commentaries, 18(3),1-6.

122. Tsai. (2019). Capitalism without Democracy; Changdong Zhang, Asymmetric Mutual Dependence between the State and Capitalists in China. PolZitics & Society 47(2), 149–76.

123. Thụy Miên. (2019). Nợ công Trung Quốc chiếm hơn 15% trên tổng nợ toàn cầu. Truy cập: https://thanhnien.vn/no-cong-trung-quoc-chiem-hon-15-tren-tong-no-toan-cau-post867772.html

124. Trần. (2019). Giải ma van đề no trong sang kiến 'Vành đai và Con đường'. Truy cập https://nghiencuuquocte.org/2019/06/22/van-de-no-sang-kien-vanh-dai-va-con-duong/

125. Trần Quang. (2019). Giải mã vấn đề nợ trong Sáng kiến 'Vành đai và Con đường. Truy cập: https://nghiencuuquocte.org/2019/06/22/van-de-no-sang-kien-vanh-dai-va-con-duong/

126. U.S.-China relations since 1949. (n.d.). Asia for Educators | Columbia University. Truy cập: https://afe.easia.columbia.edu/special/china_1950_us_china.htm

127. Vangeli A. (2019). Diffusion of Ideas in the Era of the Belt and Road: Insights from China–CEE Think Tank Cooperation. Asia Eur J, 17,421–436.

128. Willy, L. (2016). Xi Jinping’s Ideology and Statecraft. Chinese Law and Goverment 48(6) Truy cập: https://www.tandfonline.com/toc/mclg20/48/6

129. Wong, C. (2011). The Fiscal Stimulus Programme and Public, Governance Issues in China. OECD Journal on Budgeting 11(3), 1-18. http://dx.doi.org/10.1787/budget-11-5kg3nhljqrjl

130. Tân Hoa Xã . (2015). China First Put Forward Its Idea of Global Governance. Truy cập: http://news.xinhuanet.com/world/2015- 10/14/c_1116824064.htm

131. Ý Nguyên. (2021). Trung Quốc đang mắc nợ 7200 tỷ USD. Truy cập: https://tuoitre.vn/trung-quoc-dang-mac-no-7-200-ti-usd-20210302214404551.htm

132. Yagci, M. (2018). Rethinking Soft Power in Light of China’s Belt and Road Initiative. Uluslararası İlişkiler, 15(57), 67-78.

133. Yao Y. (2020). Beijing Consensus Or Washington Consensus: What Explains China's Economic Success?. World Bank Open Knowledge Repository, 28-30.

134. Yao, Y. (2018). The political economy causes of China’s economic success. China’s 40 Years of Reform and Development: 1978–2018, 75-92. https://doi.org/10.22459/cyrd.07.2018.05

135. Yu J. (2018). The Belt and Road Initiative: Domestic Interests, Bureaucratic Politics and the EU-China Relations. Asian Eur J, 16, 222-236.

136. Yu S. (2019). The Belt and Road Initiative: Modernity, Geopolitics and the Developing Global Order. Asian Affairs. 50(2), 187-201.

137. Zeng, K., & Liang, W. (Eds.). (2013). China and Global Trade Governance: China’s first decade in the World Trade Organization (1st ed.). London: Routledge.s